



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP - DỊCH
VỤ - THƯƠNG MẠI NGỌC NGHĨA

NĂM 2014

Tầm nhìn

- ♣ Trở thành biểu tượng niềm tin số 1 của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương về sản phẩm bao bì PET và là Nhà cung cấp bao bì PET lớn nhất Đông Nam Á.
- ♣ Trở thành biểu tượng niềm tin số 1 Việt Nam về sản phẩm nước chấm và gia vị.

Sứ mệnh

- ♣ Đối với lĩnh vực bao bì PET: NNG cam kết mang đến cho khách hàng các sản phẩm bao bì PET tốt nhất và chất lượng nhất.
- ♣ Đối với lĩnh vực thực phẩm: NNG cam kết mang đến cho cộng đồng nguồn nước mắm và gia vị ngon nhất, chất lượng nhất, bằng sự trân trọng và trách nhiệm cao của mình đối với cuộc sống con người và xã hội.



Giá trị cốt lõi - Bát trọng

1. **Trọng Tín nghĩa:** NNG trân trọng và gìn giữ giá trị truyền thống "Trọng lời hứa & làm điều phải" bao gồm: Quý trọng con người - Sống có trách nhiệm - Trung thành với lời hứa.
2. **Trọng Chính trực:** NNG trân trọng chuẩn mực đạo đức kinh doanh truyền thống: Công minh, liêm chính, trung thực trong ứng xử và mọi giao dịch. Tuân thủ Quy tắc, tuân thủ Pháp luật & Làm điều phải.
3. **Trọng Thời cơ:** NNG trân trọng và gìn giữ giá trị truyền thống - Quyết định thần tốc, hành động thần tốc và sáng tạo thần tốc.
4. **Trọng Nhân hòa:** NNG trân trọng văn hóa ứng xử hài hòa, tôn trọng môi trường nhân hòa và thân thiện, tôn trọng trách nhiệm và làm điều phải.
5. **Trọng Nhân tài:** NNG trân trọng nhân tài. Tập thể tài năng và những nhà lãnh đạo xuất sắc là nguồn vốn quý giá nhất tạo lên sự hưng thịnh, giúp NNG liên tục chinh phục các chuẩn cao hơn.
6. **Trọng Chất lượng:** NNG trân trọng niềm tin của khách hàng và cộng đồng bằng cam kết trách nhiệm luôn mang đến những sản phẩm tốt nhất, chất lượng nhất.
7. **Trọng Khách hàng:** NNG trân trọng xây dựng niềm tin với khách hàng và cộng đồng bằng lòng nhiệt thành, sự tận tụy và trách nhiệm cao của mình đối với cuộc sống con người và xã hội.
8. **Trọng Hiệu quả:** NNG trân trọng tính hiệu quả trong kinh doanh. Liên tục đổi mới và nâng cao lợi thế cạnh tranh, để tạo ra giá trị gia tăng nhiều hơn, giúp công ty hưng thịnh bền vững và liên tục chinh phục các chuẩn cao hơn.



MỤC LỤC

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN NGỌC NGHĨA	5
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA TẬP ĐOÀN NGỌC NGHĨA	7
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	10
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2013	11
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	16
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	20
TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC TẬP ĐOÀN	22
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014	23
8.1. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH	23
8.2. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2014	25
8.3. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	27
8.4. KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH	27
KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2013	28
BÁO CÁO LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THỦ LAO HĐQT, BKS & BAN THƯ KÝ	29
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	30
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013	31
12.1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	31
12.2. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	33
12.3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGỌC NGHĨA HỢP NHẤT	35
12.4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	41



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA TẬP ĐOÀN NGỌC NGHĨA

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn Ngọc Nghĩa hiện nay gồm có:

2.1. NGÀNH BAO BÌ NHỰA PET

Sản xuất và cung cấp cho thị trường trong nước và quốc tế các sản phẩm bao bì nhựa PET các loại, cụ thể gồm có:

- Chai PET các loại với đủ mọi dung tích và hình dáng, phục vụ cho tất cả các ngành như:
 - o Nước uống (bao gồm nước uống đóng chai và nước giải khát các loại)
 - o Nước uống có bổ sung thêm thành phần sữa
 - o Thực phẩm, đồ ăn
 - o Bia rượu
 - o Hóa chất
 - o Bảo vệ thực vật
 - o Mỹ phẩm
 - o Hàng tiêu dùng gia đình
 - o Và các ngành hàng khác
- Phôi PET các loại với đầy đủ các kích thước cổ theo yêu cầu của khách hàng hoặc theo kích thước cổ chuẩn PCO1810, PCO1881, đáp ứng mọi nhu cầu khách hàng.
 - o Phôi CSD
 - o Phôi Non CSD
 - o Phôi Hotfill với cổ kết tinh và không kết tinh (hay còn gọi là hotfill cường lực)
- Nắp chai PET các loại với đầy đủ màu sắc, logo insert, logo in lazer, ...
 - o Nắp Non CSD cổ PCO1881 (bao gồm nắp trọng lượng nhẹ giúp tiết giảm chi phí giá thành cho khách hàng)
 - o Nắp CSD hai mảnh cổ PCO1881
 - o Nắp Hotfill dành cho chai kết tinh hoặc nắp không kết tinh (hay còn gọi là hotfill cường tính)
 - o Nắp hai mảnh cổ PCO1810
 - o Nắp chai ngành dầu ăn và các ngành khác.

2.2. NGÀNH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM

Ngành thực phẩm của Tập đoàn Ngọc Nghĩa hiện nay gồm có ngành thực phẩm nước chấm và ngành thực phẩm bánh kẹo.

2.1.1. Ngành thực phẩm nước chấm

Các sản phẩm của ngành thực phẩm nước chấm do Công ty CP Thực phẩm Hồng Phú của Tập đoàn Ngọc Nghĩa sản xuất hiện nay thuộc thương hiệu Kabin Foods với các dòng sản

phẩm chủ lực mang chỉ dẫn địa lý nước mắm Phan Thiết sau đây:

- Nhãn hiệu Kabin các loại nước mắm gồm có:
 - o Kabin Dinh Dưỡng
 - o Kabin Đặc biệt
 - o Kabin Thượng Hạng
 - o Kabin Hảo hạng
 - o Kabin Vitamin
- Nhãn hiệu Thái Long các loại nước mắm gồm có:
 - o Thái Long Thượng hạng
 - o Phan Thiết – Nhãn vàng hảo hạng
 - o Thái Long Phan Thiết – Nhãn đỏ
 - o Thái Long Vi chất
 - o Thái Long Cá Hồi
- Nước chấm nhãn hiệu Thái Long gồm có:
 - o Ròng vàng đậm đà
 - o Ròng vàng hương cá hồi
 - o Ròng vàng Món ngon
- Nước tương nhãn hiệu Kabin và Thái Long
- Tương ớt
- Dầu ăn
- Và các gia vị khác ngành thực phẩm

2.1.2. Ngành thực phẩm bánh kẹo

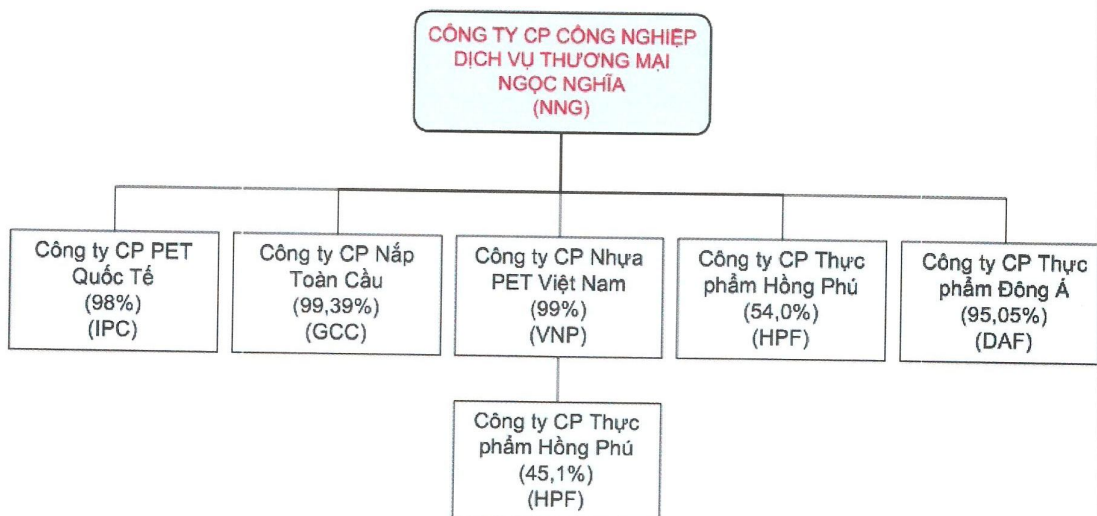
Các sản phẩm của ngành thực phẩm do Công ty CP Thực phẩm Đông Á của Tập đoàn Ngọc Nghĩa sản xuất hiện nay thuộc thương hiệu Deli Food với các dòng sản phẩm chủ lực sau đây:

- Dòng bánh mềm phủ chocolate
- Dòng bánh mềm không phủ chocolate (bánh cake)
- Dòng bánh que
- Dòng bánh Cookies
- Kẹo chocolate các loại

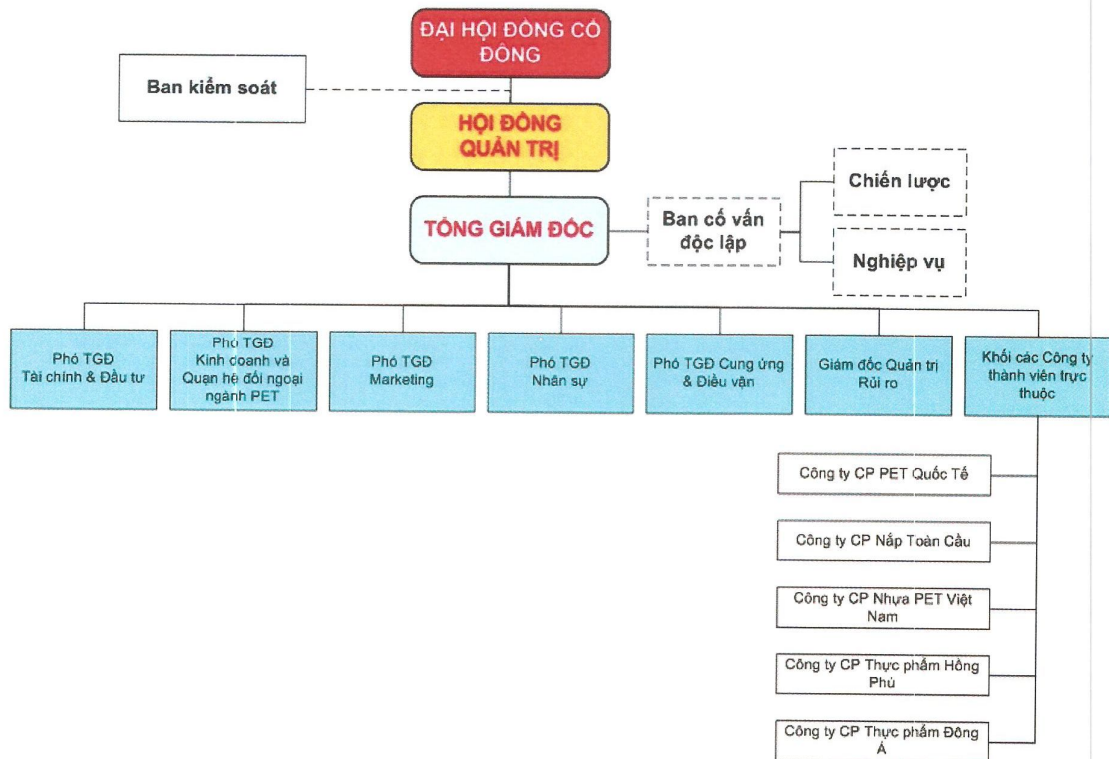
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA TẬP ĐOÀN NGỌC NGHĨA

3.1. MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Mô hình tổ chức của Tập đoàn Ngọc Nghĩa gồm công ty mẹ là Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa và 5 công ty thành viên, trong đó công ty mẹ chiếm tỷ lệ từ 54% đến 99,39% vốn điều lệ của từng công ty thành viên.



Cơ cấu tổ chức nhân sự Ban Điều hành công ty mẹ 2013 gồm có:



3.2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của NNG nhiệm kỳ 05 năm, từ ngày 30/03/2011 đến hết ngày 29/03/2016 đã được Đại hội đồng cổ đông bầu chọn tại kỳ họp ngày 30/03/2011 gồm có 5 thành viên:

STT	HỌ TÊN	VỊ TRÍ	Ghi chú
1	Ông LA VĂN HOÀNG	Chủ tịch	
2	Bà LA BÙI HỒNG NGỌC	Phó Chủ tịch	
3	Bà BÙI BÍCH HỒNG	Ủy viên	
4	Ông LA HOÀI NAM	Ủy viên	
5	Ông JEAN ERIC JACQUEMIN	Ủy viên	Bãi nhiệm từ 21/11/2013
6	Ông LA BÙI HOÀNG NGHĨA	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 24/04/2013

Theo thư đề cử ngày 27/03/2014 ứng viên tham gia thành viên Hội đồng Quản trị của cổ đông Red River Holding (cổ đông đang nắm giữ 5.637.874 cổ phần, tương đương tỷ lệ 10,79% cổ phần có quyền biểu quyết) đề cử Ông Jean Eric Jacquemin tham gia tái ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công Nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa nhiệm kỳ đến hết ngày 29/03/2016. Hội đồng Quản trị Công ty trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét biểu quyết đối với đề xuất này của cổ đông Red River Holding.

Sơ yếu lý lịch của Ông JEAN ERIC JACQUEMIN được công bố tại website Công ty.

3.3. BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát của NNG nhiệm kỳ từ ngày 01/05/2012 đến hết ngày 30/04/2016 đã được Đại hội đồng cổ đông bầu chọn tại kỳ họp ngày 26/04/2012 gồm có 03 thành viên với cơ cấu như sau:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông TRƯƠNG QUỐC THẮNG	Trưởng ban
2	Ông NGUYỄN VĂN THÀNH	Thành viên
3	Bà NGUYỄN NGỌC ANH	Thành viên

Bà Nguyễn Ngọc Anh, vì lý do cá nhân, xin từ nhiệm tư cách thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 25/02/2014. Cổ đông Ông La Văn Hoàng (hiện đang nắm giữ 15.822.496 cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng với tỷ lệ 30,28% trong tổng số 52.499.922 cổ phần có quyền biểu quyết) đề cử Ông Nguyễn Mạnh Hà ứng cử thành viên Ban Kiểm soát thay thế Bà Nguyễn Ngọc Anh nhiệm kỳ đến hết ngày 30/04/2016. Hội đồng Quản trị Công ty trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét biểu quyết đối với đề xuất này của cổ đông La Văn Hoàng.

Sơ yếu lý lịch của Ông Nguyễn Mạnh Hà được công bố trên website công ty

3.4. BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Tập đoàn năm 2014 như sau:

STT	CHỨC VỤ	HỌ TÊN	NSINH	TÓM TẮT LÝ LỊCH
1	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NNG	Ông LA VĂN HOÀNG	1961	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy Cử nhân kinh doanh quốc tế
2	Phó Tổng Giám đốc Tài chính & Đầu Tư NNG	Bà NGUYỄN THỊ KIM CHI	1981	Thạc sỹ Tài chính doanh nghiệp (MA), Cử nhân kinh tế ngoại thương
3	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự NNG	Bà NGUYỄN BẠCH KIM VY	1977	Thạc sỹ Kinh tế
4	Phó Tổng Giám đốc Cung ứng & Điều vận NNG	Bà ĐÀO THỊ THUẬN	1978	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
5	Giám đốc Quản trị Rủi ro NNG	Bà NGUYỄN THỊ CHÂU	1964	Cử nhân Tài chính Kế toán
6	Giám đốc Pháp chế NNG	Ông ĐẶNG THÁI BÌNH	1983	Cử nhân Luật
7	Phó Tổng Giám đốc Marketing ngành PET	Ông LA BÙI HOÀNG NGHĨA	1989	Thạc sỹ Tài chính, cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật
8	Phó Tổng Giám đốc Thương mại & Quan hệ Quốc tế ngành PET	Bà LA BÙI HỒNG NGỌC	1985	Thạc sỹ Kinh tế Thụỵ Sĩ
9	Phó Tổng giám đốc Điều hành Cty IPC/GCC	Ông LÃ SƠN HÀ	1969	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
10	Tổng giám đốc Cty VNP	Bà BÙI BÍCH HỢP	1950	Cử nhân Kinh tế
11	Phó Tổng Giám đốc Marketing ngành Food	Ông HỒ SĨ TUẤN PHÁT	1974	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh UK
12	Phó Tổng giám đốc kinh doanh ngành Food	Ông LA HOÀI NAM	1979	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh RMIT Úc
13	Phó Tổng Giám đốc Sản xuất ngành Food	Ông NGUYỄN VĂN THANH	1973	Kỹ sư công nghệ thực phẩm

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

3.1. CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ phần của công ty tính đến ngày 08/04/2014 là 52.500.000 cổ phần. Trong đó:

- Số cổ phần đang lưu hành và có quyền biểu quyết là: 52.249.922 cổ phần.
- Số cổ phần quỹ: 78 cổ phần

Tổng số cổ đông của công ty tính đến ngày 08/04/2014 là 207 cổ đông. Trong đó gồm có:

- Cổ đông cá nhân: 204 cổ đông, nắm giữ 44.888.967 cổ phần, tương ứng với 85.91% vốn điều lệ của công ty.
- Cổ đông tổ chức: 03 cổ đông, nắm giữ 7.360.955 cổ phần, tương ứng với 14.09% vốn điều lệ của công ty.

3.2. CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TRÊN 5% VỐN ĐIỀU LỆ

Danh sách cổ đông nắm giữ số lượng cổ phần trên 5% vốn điều lệ của công ty tại thời điểm 08/04/2014.

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CMND / GĐKKD	CỔ PHẦN		TỶ LỆ (%)
			SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (VND)	
1	LA VĂN HOÀNG	022354685	15.822.496	158.224.960.000	30.28%
2	BÙI BÍCH HỒNG	020481045	9.746.823	97.468.230.000	18.65%
3	LA BÙI HỒNG NGỌC	023880724	9.538.463	95.384.630.000	18.26%
5	LA BÙI HOÀNG NGHĨA	024202179	4.600.058	46.000.580.000	8.80%
6	RED RIVER HOLDING	WK – 192053	5.637.874	56.378.740.000	10.79%

3.3. CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI

Danh sách cổ đông nước ngoài của công ty tại thời điểm 08/04/2014

STT	HỌ VÀ TÊN	LOẠI HÌNH	SỐ CMND / GĐKKD	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
1	Red River Holding	Tổ chức	WK – 192053	5.637.874	10.79%
2	Maxence Charles Eric Vanderlynden	Cá nhân	09A174354	68.217	0.13%

3.4. ĐÁNH GIÁ SỰ THAY ĐỔI CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TRONG NĂM 2013

So với cơ cấu cổ đông được chốt vào ngày 07/04/2013 (chốt quyền tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013), thì sự biến động về cơ cấu cổ đông trong năm 2013 là không đáng kể, chỉ có số cổ đông cá nhân có tỷ lệ sở hữu thấp (dưới 1%) biến động giảm 8 cổ đông (từ mức 212 cổ đông xuống còn 204 cổ đông).

Về số lượng cổ đông nước ngoài trong năm 2013 có giảm 1 cổ đông từ mức 3 cổ đông xuống còn 02 cổ đông.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2013

Năm 2013, đánh dấu 20 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa (NNG) tiếp tục giành được những thắng lợi trên lộ trình thực hiện mục tiêu chiến lược trở thành biểu tượng niềm tin số 1 trong ngành bao bì PET và công nghiệp thực phẩm. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn đạt vượt kế hoạch lợi nhuận, khi lợi nhuận ròng hợp nhất của toàn Tập đoàn đạt mức 62,7 tỷ đồng, so với chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua là 57 tỷ đồng, mặc dù về mặt doanh thu thì doanh thu thuần hợp nhất của toàn Tập đoàn chỉ đạt 1.782 tỷ đồng, giảm 5% so với năm 2012, và đạt 74% chỉ tiêu kế hoạch của năm 2013 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các thành quả mà Tập đoàn đạt được trong năm 2013 càng có ý nghĩa hơn trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đã trải qua một năm đầy khó khăn thách thức với nhiều biến động phức tạp, tăng trưởng GDP của Việt Nam tiếp tục đạt mức thấp trong giai đoạn gần đây, sức cầu tiêu thụ của nền kinh tế vẫn còn ở mức thấp và chưa có dấu hiệu cải thiện đáng kể nào.

Trước những khó khăn đó, Tập đoàn Ngọc Nghĩa vẫn vững phát triển bằng việc kiên định trong việc thực hiện sứ mệnh: Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt nhất, dịch vụ hậu mãi ngày càng được nâng cao và giá cả cạnh tranh, đẩy mạnh các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, chú trọng phát triển nguồn nhân lực, phát huy tính chuyên nghiệp, luôn luôn giữ uy tín, chất lượng sản phẩm dịch vụ với khách hàng.

4.1. TÓNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2013

Kinh tế thế giới năm 2013 đang trong giai đoạn phục hồi và bắt đầu từng bước thoát ra khỏi khủng hoảng tài chính toàn cầu kéo dài từ năm 2008 với tốc độ phục hồi khá chậm. Tốc độ tăng trưởng của kinh tế toàn cầu là 2,9% với sự hồi sinh của những nước chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng là Mỹ và khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone). Tuy nhiên, mức tăng trưởng này thấp hơn 0,4% so với dự báo đầu năm là 3,3%.

Kinh tế Mỹ, đầu tàu lớn nhất của kinh tế thế giới năm 2013, do những khó khăn về tài chính, nên đã không phục hồi nhanh chóng, mức tăng GDP chỉ đạt 1,6%. Những nhân tố thúc đẩy kinh tế Mỹ tuy được tăng cường hơn trước, nhưng lại bị những khó khăn tài chính triệt tiêu nên không thể bật lên được. Một sự kiện cũng đáng chú ý của nền kinh tế Mỹ năm 2013 là việc Chính phủ Mỹ phải đóng cửa 16 ngày vào cuối năm 2013 trong thời gian chờ thông qua ngân sách năm 2014 đã khiến kinh tế Mỹ thiệt hại ước tính khoảng 300 triệu USD/ngày. Và điều này cũng đã làm suy giảm niềm tin và chi tiêu của người dân cũng như các doanh nghiệp.

Kinh tế EU vẫn đang trong khó khăn suy thoái và năm 2013 chỉ đạt mức tăng trưởng âm (-0,4%), cao hơn so với mức dự báo đầu năm là (-0,6%). Động lực tăng trưởng kinh tế của 28 nước thành viên EU vẫn chưa đủ mạnh để kinh tế phục hồi nhanh chóng, tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức cao ở mức 12,1%. Tuy vậy, nền kinh tế tại 17 nước thành viên khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) đạt tăng trưởng 0,3% trong năm 2013.

Kinh tế các nước ASEAN và châu Á duy trì tăng trưởng ở mức 6,6%, cao hơn mức 6% của năm 2012 và cũng cao hơn mức được dự đoán hồi đầu năm là 5,75%. Kinh tế khu vực này vẫn đóng vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế thế giới tăng trưởng, đóng góp tới trên 40% cho tăng trưởng chung của kinh tế toàn cầu. Hai nền kinh tế lớn nhất Châu Á là Nhật Bản và Trung Quốc có bức tranh tăng trưởng trái chiều trong năm 2013. Kinh tế Nhật Bản trong năm 2013 đã có những điểm sáng khi thoát ra khỏi thời kỳ tăng trưởng âm và duy trì ở mức tăng trưởng 1,8%. Trái lại, kinh tế Trung Quốc, sau thời gian dài tăng trưởng cao, năm 2013 bắt đầu tăng chậm lại so với năm 2012, chỉ đạt mức 7,5% so với gần 8% của năm 2012. Mặc dù vậy,

nền kinh tế Trung Quốc vẫn là nền kinh tế năng động và có mức tăng trưởng cao nhất thế giới trong năm 2013.

Kinh tế các nước ASEAN vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2012 ở hầu hết các quốc gia. Trong đó, đáng lưu ý là kinh tế Myanmar đạt mức tăng trưởng 6,7% sau hơn 2 năm tiến hành cải cách và mở cửa. Hiện kinh tế nước này đã thu hút được hơn 42 tỷ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài.

4.2. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2013

Nền kinh tế Việt Nam năm 2013 có sự cải thiện nhưng tốc độ phục hồi còn chậm. Cụ thể, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 tăng 5,42% so với năm 2012, trong đó quý I tăng 4,76%; quý II tăng 5,00%; quý III tăng 5,54%; quý IV tăng 6,04%. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mục tiêu tăng 5,5% đề ra nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012.

Sản xuất công nghiệp năm 2013 có dấu hiệu phục hồi, nhất là ngành công nghiệp chế biến chế tạo với tỷ trọng lớn trong toàn ngành công nghiệp đã có sự chuyển biến rõ nét qua các quý. Chỉ số tồn kho, chỉ số tiêu thụ diễn biến theo xu hướng tích cực. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) năm 2013 ước tính tăng 5,9% so với năm trước. Trong đó, quý I tăng 5%; quý II tăng 5,5%; quý III tăng 5,4% và quý IV tăng 8%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với bình quân năm 2012. Và đây là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Trong đó, các nhóm có chỉ số giá tháng 12 tăng cao so với tháng trước gồm nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2,31%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,57%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,49% (Lương thực tăng 1,22%; thực phẩm tăng 0,38%; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,17%).

Về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, ước tính năm 2013, tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 76.955 doanh nghiệp, tăng 10,1% so với năm 2012 với tổng vốn đăng ký là 398 nghìn tỷ đồng, giảm 14,7%. Số doanh nghiệp gặp khó khăn phải giải thể hoặc ngừng hoạt động trong năm 2013 là 60.737 doanh nghiệp, tăng 11,9% so với năm trước.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2013 ước tính đạt 1.091 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với năm trước và bằng 30,4% GDP. Trong đó, vốn khu vực Nhà nước đạt 440 nghìn tỷ đồng, chiếm 40,4% tổng vốn và tăng 8,4% so với năm trước; khu vực ngoài Nhà nước 411 nghìn tỷ đồng, chiếm 37,6% và tăng 6,6%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 240 nghìn tỷ đồng, chiếm 22% và tăng 9,9%.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 15/12/2013 ước tính đạt 21,6 tỷ USD, tăng 54,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, bao gồm 14,3 tỷ USD vốn đăng ký của 1.275 dự án được cấp phép mới, tăng 70,5% và 7,3 tỷ USD vốn đăng ký bổ sung của 472 dự án được cấp phép từ các năm trước, tăng 30,8%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2013 ước tính đạt 11,5 tỷ USD, tăng 9,9% so với năm 2012. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài năm nay tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với 16,6 tỷ USD, chiếm 76,9% tổng vốn thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Kim ngạch xuất khẩu năm 2013 ước tính đạt 132,2 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2012. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 43,8 tỷ USD, tăng 3,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (gồm cả dầu thô) đạt 88,4 tỷ USD, tăng 22,4%. Nếu không kể dầu thô thì kim ngạch hàng hoá xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài năm nay đạt 81,2 tỷ USD, tăng 26,8% so với năm trước. Nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2013 tăng 18,2%.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2013 đạt 131,3 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, bao gồm: Khu vực kinh tế trong nước đạt 56,8 tỷ USD, tăng 5,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 74,5 tỷ USD, tăng 24,2%. Nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2013 tăng 18,3% so với năm 2012.

Tính chung cả năm 2013, xuất siêu 863 triệu USD, bằng 0,7% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu trên 13 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu gần 14 tỷ USD.

4.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

Đối với ngành bao bì PET, NNG thực hiện chiến lược giữ vững doanh thu ổn định tại thị trường nội địa, xem đây là thị trường "xương sống". Song song đó, NNG đã đẩy mạnh phát triển thị

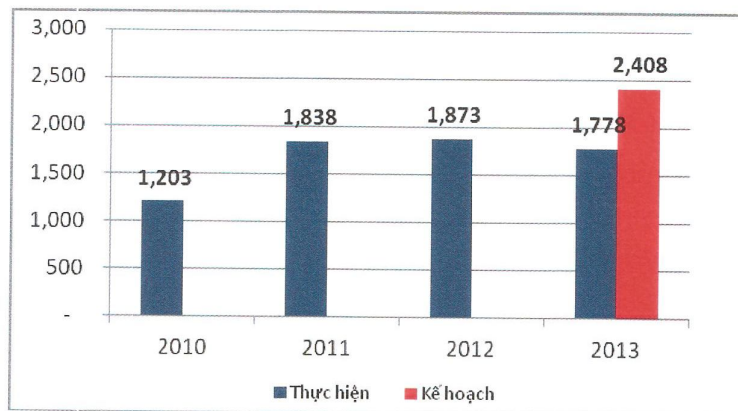
phần gia tăng doanh thu xuất khẩu. Tuy vậy, NNG phải chịu sự cạnh tranh từ các nhà sản xuất nước ngoài khi họ bắt đầu thâm nhập sâu vào thị trường Việt Nam và đặc biệt là các khách hàng chiến lược của ngành bao bì PET thay đổi chiến lược kinh doanh theo chiều hướng tự trang bị hệ thống thổi chai PET, và chỉ mua phôi từ nhà cung cấp để đa dạng nhà cung cấp, cũng như gây áp lực về giá cả đối với các nhà cung cấp bao bì PET.

Đối với ngành nước mắm và gia vị, NNG tiếp tục phát triển sản phẩm và thị trường để gia tăng doanh số và thị phần cho các sản phẩm trên cơ sở hệ thống phân phối đã được xây dựng và và ổn định trong thời gian qua.

Đối với ngành bánh kẹo, NNG đã hoàn tất việc tinh gọn và hiệu quả hóa quy mô hoạt động để thực hiện mục tiêu tái cấu trúc tài chính.

Với những khó khăn chung của ngành bao bì PET cùng với sự cạnh tranh khốc liệt trong thị trường ngành hàng gia vị và bánh kẹo, doanh số của toàn tập đoàn NNG trong năm 2014 đạt mức ~1.778 tỷ đồng, hoàn thành 74% kế hoạch năm.

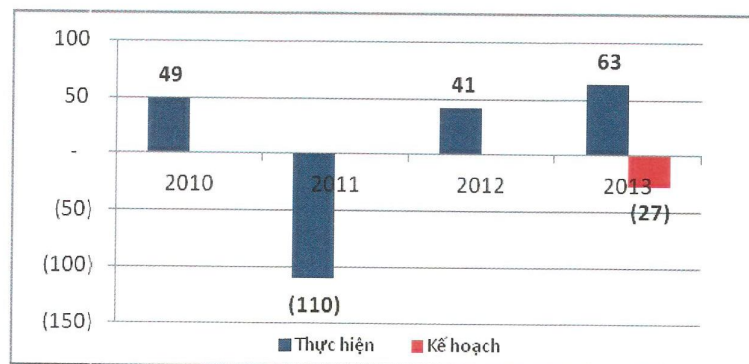
Biểu đồ 1: Doanh thu Tập đoàn NNG giai đoạn 2010-2013



Đvt: tỷ đồng

Tuy vậy, với sự nỗ lực của lãnh đạo và tập thể NNG đã từng bước giải quyết các khó khăn, kiểm soát tốt chi phí và tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, NNG cũng tái cơ cấu lại nhóm ngành bánh có sự cạnh tranh chưa tốt để dành nhiều nguồn lực cho phát triển những ngành hàng thế mạnh. Chính vì thế, mặc dù không hoàn thành kế hoạch doanh thu nhưng Tập đoàn vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận. Cụ thể, lợi nhuận năm 2013 của toàn Tập đoàn đạt ~ 63 tỷ đồng, tăng 53% so với năm 2012.

Biểu đồ 2: Lợi nhuận ròng tập đoàn NNG giai đoạn 2010-2013



Đvt: tỷ đồng

4.3.1 Ngành bao bì PET

Ngành bao bì PET tiếp tục giữ vai trò chủ đạo tạo nguồn thu cho NNG trong năm 2013. Với nỗ lực vượt qua khó khăn, NNG tiếp tục duy trì thị phần hiện có và phát triển thêm thị phần xuất khẩu nhằm giữ vững vị thế đã xác lập trên thị trường nhưng do việc thay đổi chiến lược kinh doanh các khách hàng lớn đã tác động đến kết quả của NNG trong năm 2013. Doanh thu thu năm 2013 của ngành bao bì PET đạt giá trị 1.563 tỷ đồng, hoàn thành 77% kế hoạch đề ra.

Năm 2013, NNG đã lắp đặt thành công hệ thống thổi chai trên dòng máy Sidel công suất 15 ngàn sản phẩm/giờ/máy và chính thức cung cấp chai dung tích 400ml và 750ml cho khách hàng Unilever. Việc này cũng đánh dấu thành công của NNG trong việc đa dạng sản phẩm ngành hóa chất mỹ phẩm. Cũng trong năm 2013, công ty cổ phần nắp toàn cầu (GCC) hoàn tất việc lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 1 và đóng góp đáng kể vào doanh thu của Tập đoàn.

Mặc dù doanh thu năm 2013 không đạt theo như kế hoạch đề ra nhưng với việc kiểm soát tốt chi phí và tối ưu hiệu quả hoạt động SXKD, lợi nhuận ngành PET tiếp tục duy trì ở mức cao. Giá trị lợi nhuận ròng của ngành PET năm 2013 đạt giá trị 231 tỷ đồng, hoàn thành 83% kế hoạch đề ra (sau khi loại trừ yếu tố không phát sinh liên quan tái cơ cấu ngành thực phẩm và cổ tức).

4.3.2 Ngành nước mắm và gia vị

Doanh thu năm 2013 của ngành nước mắm và gia vị tăng gấp đôi so với năm 2012. Với sự tái tung của thương hiệu Kabin và sự ra đời của những sản phẩm dinh dưỡng đã được người tiêu dùng đánh giá cao về chất lượng và an toàn thực phẩm.

Năm 2013, HPF nghiên cứu thành công và tung nước mắm bổ sung vitamin, nước mắm dinh dưỡng cao đậm tạo sự khác biệt cho sản phẩm chiến lược. Ngoài ra, các chương trình quảng bá của HPF đã thực hiện tập trung vào sự khác biệt, giá trị gia tăng cho người tiêu dùng và vào tính mới của sản phẩm.

Với những nỗ lực mạnh mẽ trong việc tái thiết hệ thống phân phối và đặt lợi ích người tiêu dùng lên hàng đầu, sự gia tăng doanh thu và ổn định HTPP cũng đã giúp HPF cắt lỗ được ~ 16% so với năm 2012 (giảm lỗ 23 tỷ đồng).

4.3.3 Ngành Bánh kẹo

Thực hiện theo định hướng của Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt về việc tái cấu trúc lại các ngành hàng chủ lực nhằm tập trung nguồn lực cho những thế mạnh của Tập đoàn, NNG đã hoàn tất việc tái cấu trúc tài chính trong ngành bánh kẹo.

Doanh thu 2013 tăng nhẹ 4% so với 2012 nhưng cắt lỗ chỉ còn chưa tới 30% mức lỗ 2012, và đặc biệt trong tháng 12, lần đầu tiên DAF đã bắt đầu có lãi từ HĐSXKD của mình.

4.4. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC & HẠN CHẾ TỒN TẠI

4.4.1 Kết quả đạt được

Mặc dù nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng trong năm 2013 có một số cải thiện nhất định nhưng tốc độ hồi phục còn chậm. Trong bối cảnh đó, NNG đã khắc phục các khó khăn, tái cấu trúc toàn bộ tập đoàn để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trong năm 2013, NNG ghi nhận các kết quả điển hình như sau:

- Đối với ngành bao bì PET: NNG tiếp tục là sự ưu tiên lựa chọn của các khách hàng lớn đối với những dự án sản phẩm mới. Trong năm, NNG đã thắng dự án sản phẩm chai chiết rót nóng, chai nước khoáng ICY, chai dùng cho nước trái cây VFresh của Vinamilk và nắp cho thương hiệu TH True Milk. Về ngành dầu ăn, NNG có được đơn hàng từ những dự án chai mới của khách hàng Calofic và Sao Mai. Ngoài ra, cũng phải kể đến dự án chế tạo chai cho thương hiệu nước rửa chén Mỹ Hảo, dự án chế tạo chai dầu gội Macherie của Shiseido và dự án chai Mayonnaise của Kewpie.
- NNG tiếp tục duy trì vị thế là nhà cung cấp bao bì PET hàng đầu Việt Nam và khu vực

bằng việc đẩy mạnh xuất khẩu, ngoài những khách hàng trong khu vực Đông Nam Á, NNG ngày càng mở rộng thị trường kể cả khách hàng khó tính thị trường Nhật Bản.

- Trong năm 2013, NNG triển khai thành công dự án cung cấp phôi và chai ngành hóa chất mỹ phẩm dung tích 400ml và 750ml cho khách hàng Unilever Củ Chi.
- NNG không ngừng nâng cao giá trị thông qua việc hoàn thành và đạt các chứng chỉ, chứng nhận liên quan đến chất lượng, tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm toàn cầu ISO 9001 - 2008 và FSSC 22K / GFSI. Ngoài ra, NNG đã hoàn thành chuẩn mực trách nhiệm xã hội phù hợp theo yêu cầu của Coca-cola, Unilever. Và với những nỗ lực đó, NNG được chứng nhận là nhà cung cấp đạt chuẩn của Coca-Cola và là nhà cung cấp hạng vàng (Gold Supplier) của Unilever.
- Việc tái cấu trúc lại các ngành hàng giúp cho NNG nâng cao năng lực cạnh tranh và tập trung nguồn lực vào các ngành hàng thế mạnh.
- Ngành nước uống mát mẻ và gia vị thực hiện mục tiêu mở rộng thị phần bằng tăng trưởng bền vững. Hệ thống phân phối bao phủ 64/64 tỉnh thành được tái cơ cấu chặt chẽ, có trọng điểm cũng tạo điều kiện cho ngành nước uống mát mẻ và gia vị phát triển bền vững.
- Ngành bánh kẹo thực hiện nhiệm vụ cắt lỗ và hòa vốn đã chuyển hướng sang đẩy mạnh xuất khẩu, bán hàng nội địa chỉ tập trung ở siêu thị và các khu vực trọng điểm theo hình thức bán hàng qua đại lý cũng làm cho doanh số tăng nhẹ so với 2012 nhưng mức lỗ được cắt giảm hơn 2/3.
- Việc quản trị dòng tiền tập trung toàn tập đoàn đã đạt được nhiều kết quả tốt, giúp tiết giảm đáng kể chi phí tài chính cho toàn tập đoàn, đồng thời đảm bảo được khả năng thanh toán của toàn tập đoàn.
- NNG có được sự đánh giá tốt từ các ngân hàng và các định chế tài chính trên thị trường, vì vậy trong năm 2013 luôn được các ngân hàng và các định chế tài chính này sẵn sàng tài trợ vốn (cả trung dài hạn và ngắn hạn) đảm bảo cho NNG thực hiện các kế hoạch đầu tư và phát triển kinh doanh trong tương lai.

4.4.2 Hạn chế còn tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được, NNG vẫn còn nhiều hạn chế tồn tại do việc thay đổi chiến lược của những khách hàng lớn trong ngành bao bì PET, sự thâm nhập thị trường của các nhà cung cấp ngoại trong ngành bao bì. Đối với ngành thực phẩm, sự trì trệ của nền kinh tế và sụt giảm cầu tiêu dùng trở thành rào cản lớn cho sự phát triển chung của ngành.

4.5. BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐẦU TƯ

Trong năm 2013, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Tập đoàn Ngọc Nghĩa đã tiến hành tăng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu từ mức 30 tỷ đồng lên mức 99 tỷ đồng nhằm mục đích NNG sở hữu 99,4% vốn điều lệ của công ty thành viên này.

Theo nội dung báo cáo thường niên 2013 đã đề xuất tại Đại hội Cổ đông năm 2013 và đã được thông qua về việc Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Ban Điều hành Công ty được triển khai thực hiện các dự án đầu tư mở rộng cho các khách hàng lớn như Unilever, Coke, Pepsi... Kết quả là các dự án này đã đạt thành tựu tương đối khả quan thể hiện ở tỷ lệ tăng trưởng doanh số của các khách hàng này, cụ thể sản lượng của khách hàng Unilever đạt 70 triệu cái 1 năm, khách hàng Coca sản lượng đạt 416 triệu cái 1 năm.

Với kết quả này cho thấy việc quyết định đầu tư vào các dự án này là đúng đắn và đã chứng tỏ năng lực của NNG. Điều này sẽ tạo những cơ hội để NNG có thể nâng cao lợi thế cạnh tranh và mang lại nhiều lợi ích cho NNG trong tương lai.

Tp.HCM, ngày 10 tháng 04 năm 2014

CTY CP CN-DV-TM NGỌC NGHĨA

Tổng Giám đốc



La Văn Hoàng

Trang 15/78

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**5.1 BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

<i>Đơn vị tính: đồng</i>	2013	2012
Tổng doanh thu	1,782,426,102,513	1,882,900,966,370
Các khoản giảm trừ doanh thu	4,075,845,512	9,751,365,131
Doanh thu thuần	1,778,350,257,001	1,873,149,601,239
Giá vốn hàng bán	1,226,534,684,380	1,356,092,083,802
Lợi nhuận gộp	551,815,572,621	517,057,517,437
Chi phí bán hàng	274,517,352,359	177,795,381,026
Chi phí quản lý doanh nghiệp	83,254,319,373	81,888,730,643
Thu nhập tài chính	4,252,875,560	4,491,111,249
Chi phí tài chính	104,205,280,985	170,259,344,865
Lợi nhuận từ HĐ sản xuất kinh doanh	94,091,495,464	91,605,172,152
Thu nhập khác	93,087,239,931	123,782,477,071
Chi phí khác	95,308,557,029	123,122,707,300
Kết quả từ hoạt động khác	(2,221,317,098)	659,769,771
Lợi nhuận trước thuế	91,870,178,366	92,264,941,923
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29,707,711,386	48,991,416,167
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(531,224,718)	2,124,354,547
Lợi nhuận sau thuế	62,693,691,698	41,149,171,209

5.2 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

<i>Đơn vị tính: đồng</i>	31/12/2013	31/12/2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN	586,809,114,291	399,505,299,003
Tiền và các khoản tương đương tiền	71,595,361,478	29,087,008,046
Đầu tư ngắn hạn	50,000,000,000	
Phải thu từ HĐKD	156,607,875,534	110,846,138,654
Phải thu khác	10,392,385,883	9,367,730,339
Hàng tồn kho	243,953,257,342	214,343,788,271
Tài sản ngắn hạn khác	54,260,234,054	35,860,633,693
TÀI SẢN DÀI HẠN	1,349,853,969,947	1,391,294,439,685
Phải thu dài hạn	5,207,286,106	6,917,820,623
Tài sản cố định	1,283,871,736,322	1,322,564,063,934
Hữu hình	934,539,188,542	1,005,913,538,133
Vô hình	285,924,801,148	288,787,848,791
Xây dựng cơ bản dở dang	63,407,746,632	27,862,677,010
Tài sản dài hạn khác	60,774,947,519	61,812,555,128
TỔNG TÀI SẢN	1,936,663,084,238	1,790,799,738,688

5.3 TÓM TẮT KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Doanh thu

Trong năm 2013, doanh thu giảm # 5% về tổng giá trị nhưng lại tăng nhẹ 2% về tổng sản lượng. Sự sụt giảm doanh thu về giá trị đến từ ngành bao bì PET khi trung bình đơn giá hạt nhựa 2013 giảm so với 2012 khá lớn trong khi với quy mô còn nhỏ, sự tăng trưởng mạnh mẽ (gấp đôi) của ngành nước mắm và gia vị vẫn không giúp cho tổng doanh thu 2013 vượt qua được năm 2012 về giá trị. Hiện ngành PET có 7 nhà máy, trong đó quy mô 1 nhà máy tương đương với 1 Công ty cùng ngành bao bì PET tại Việt Nam. Hệ thống phân phối ngành nước mắm và gia vị đã phủ rộng khắp các tỉnh thành. Tính đến cuối năm 2013, Công ty đã thực hiện bao phủ được #40% điểm bán toàn thị trường. Các sản phẩm nước mắm của Công ty đạt tiêu chuẩn chất lượng lên hàng đầu, ngoài việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về nước mắm, còn bổ sung nhiều giá trị khác cho người tiêu dùng như vi chất sắt, i ốt, vitamin, cá hồi,...

Giá vốn hàng bán

Tỷ trọng chi phí giá vốn trên doanh thu thuần năm 2013 giảm còn 69% từ mức 72,4% năm 2012. Sự cải tiến đáng kể này là kết quả của sự phối hợp kinh doanh hỗ trợ giữa ngành PET và ngành thực phẩm. Ngành PET có giá vốn 2013 tương đương 2012 nhờ vào sự cắt giảm định phí trong điều kiện chi phí nguyên vật liệu neo theo giá bán được ấn định trước nhưng ngành Thực phẩm giá vốn 2013 chỉ còn 67% trong khi năm 2012 lên đến 103%.

Lợi nhuận gộp

Sự cải tiến mạnh chi phí giá vốn ở ngành thực phẩm, đặc biệt là ngành nước mắm và gia vị với sự gia tăng sản lượng sản xuất, đã giúp cho NNG nâng tỷ suất lãi gộp lên 31% từ mức 28% của năm 2012. Giá trị lãi gộp hợp nhất là 552 tỷ đồng, tăng 6,7% so với năm 2012.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng năm 2013 là 274,5 tỷ, tăng 54,5% so với năm 2012. Tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần 15,4% so với năm 2012 chỉ 9,4%. Sự gia tăng đột biến này đến từ ngành PET lẫn ngành thực phẩm. Ngành PET chi tiêu cho bán hàng chiếm 6,4% trong khi tỷ lệ này năm 2012 là 4,9%. Ngành thực phẩm chi tiêu cho bán hàng chiếm 73,7% từ tỷ lệ 65% của năm 2012. Sự gia tăng đầu tư đầu ra ở ngành PET nhằm hướng đến thực hiện mục tiêu chiến lược về vị trí dẫn đầu Đông Nam Á và là biểu tượng niềm tin số 1 khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1,3 tỷ so với năm 2012 nâng tỷ trọng chi phí này trên doanh thu 4,7% so với mức 4,3% năm 2012. Sự gia tăng này là do đầu tư kiện toàn hệ thống quản lý nhân sự Tập đoàn, đẩy mạnh xây dựng và phát triển các vấn đề liên quan nguồn lực Tập đoàn.

Chi phí tài chính

Năm 2013 ghi nhận nỗ lực vượt bậc của Tập đoàn trong quyết tâm cắt giảm chi phí tài chính, dư nợ trung dài hạn giảm 50% so với năm 2012. Tỷ lệ chi phí tài chính (sau khi trừ doanh thu

tài chính) chiếm 6,1% doanh thu thuần so với tỷ lệ này năm 2012 là 9,3%, giảm lãi vay 66 tỷ so với năm 2012 nhờ vào nỗ lực xoay chuyển vốn và được sự tín nhiệm cao từ ngân hàng chiến lược trong việc xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp để hạ lãi suất cho vay, đồng thời hợp tác triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ tích cực cho NNG trong việc đảm bảo nguồn hoạt động với chi phí thuộc khung lãi suất thấp nhất của thị trường tiền tệ.

Chi phí khác

Tỷ lệ thu nhập bất thường giảm đáng kể (#24%) so với năm 2012 nhưng lợi nhuận từ hoạt động này nếu ở 2012 lãi nhẹ thì 2013 gây lỗ #2,2 tỷ đồng.

Lợi nhuận ròng

Lợi nhuận ròng đạt 62,7 tỷ tăng 52% so với năm 2012, trong đó ngành PET giảm 12,5 tỷ (tương đương giảm 5%), ngành thực phẩm cất lỗ 62 tỷ (tương đương 31%). Việc cất giảm lỗ là sự nỗ lực rất lớn của ngành thực phẩm trong lộ trình thực hiện mục tiêu cất lỗ để dần về hòa vốn.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền cuối kỳ 2013 tăng 2,4 lần so với năm 2012 nhằm chuẩn bị cho việc thực hiện kế hoạch đầu tư và phân phối lợi nhuận trong năm 2013.

Ngoài ra, việc tích lũy tiền trong ngắn hạn còn nhằm phục vụ cho việc đầu tư ngắn hạn để xoay vòng vốn, tối ưu chi phí tài chính từ việc kinh doanh chênh lệch lãi suất tiền gửi và cho vay.

Tài sản cố định

Thực hiện theo định hướng đầu tư của đại hội đồng cổ đông đã thông qua tại Đại hội thường niên năm 2013, Tập đoàn chỉ thực hiện đầu tư phục vụ trực tiếp cho dự án lớn được ký kết (ví dụ như máy thổi cho dự án Unilever, khuôn cho các khách hàng chiến lược phát triển sản phẩm mới và khách hàng mới,...). Tổng giá trị đầu tư thấp hơn nhiều so với tổng giá trị khấu hao trong năm là nguyên nhân của sự giảm tổng giá trị tài sản ròng ở cuối kỳ 2013. Tổng giá trị tài sản cố định tại 31/12/2013 là 1,283 tỷ đồng so với năm 2012 là 1,322 tỷ đồng, tức giảm 2,9%.

Đầu tư vào Công ty khác

07/2013, NNG đã đầu tư tăng cường vào Công ty cổ phần Nắp toàn cầu nâng vốn điều lệ của Công ty này từ 30 tỷ đồng lên 99 tỷ đồng. Số vốn tăng được góp từ Công ty CP CN DV TM Ngọc Nghĩa và Công ty CP nhựa P.E.T Việt Nam. Nguồn đầu tư này phục vụ cho dự án đầu tư máy nắp công suất lớn phục vụ cho khách hàng PI, Coke khu vực.

Tổng tài sản

Tổng tài sản tăng 146 tỷ đồng (tương đương 8%) đến từ việc gia tăng tài sản ngắn hạn. Đầu tư ngắn hạn tăng 50 tỷ đồng phát sinh từ hoạt động kinh doanh tiền gửi. Sự gia tăng tiền cuối kỳ chuẩn bị cho nhu cầu vốn quý 1/2014. Và tăng mạnh là khoản phải thu khách hàng, với sự khó khăn ngày càng gia tăng của thị trường các khách hàng có xu hướng kéo ngày nợ càng nhiều hơn. Đây cũng là áp lực lớn cho NNG trong ngành PET mặc dù NNG cũng ý thức được và đã có động thái tích cực trong việc chia sẻ với khách hàng những khó khăn trong vấn đề huy động

vốn và chính sách công nợ.

Các khoản nợ

Tổng nợ Tập đoàn tăng 135,5 tỷ đến từ việc gia tăng nợ ngắn hạn bao gồm các khoản nợ chưa tới hạn (do năm 2013 NNG được giãn ngày nợ nhiều hơn so với năm 2012) và vay ngắn hạn vượt nhu cầu để kinh doanh lãi suất tiền gửi.

Vốn chủ sở hữu

Năm 2013 Tập đoàn không tăng vốn từ bên ngoài, tổng vốn chủ sở hữu gia tăng do khoản thu nhập phát sinh trong năm cao hơn cổ tức đã chia làm gia tăng lợi nhuận giữ lại.

Tp.HCM, ngày 10 tháng 04 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI NGỌC NGHĨA

Tổng Giám đốc



La Văn Hoàng

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

6.1. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2013

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa trong năm tài chính 2013 đã thực hiện các hoạt động giám sát như sau:

- Tham gia tất các cuộc họp của HĐQT để cập nhật, giám sát và đảm bảo mọi hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty điều hợp lý và hợp pháp;
- Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tổ chức họp thành viên 02 lần định kỳ nội bộ ban kiểm soát và 02 lần họp bất thường liên quan thay đổi thành viên BKS và các vấn đề phát sinh liên quan cổ đông Red River Holding;
- Rà soát, kiểm tra hồ sơ, chứng từ và quy trình liên quan thanh toán, tạm ứng, đầu tư của Công ty;
- Lắng nghe ý kiến CBCNV và cổ đông đóng góp về tình hình sản xuất kinh doanh công ty để phản ánh lại HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

Đánh giá chung, trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, BKS được HĐQT và Ban Tổng giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

6.1. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG NĂM 2013

Trong năm tài chính 2013, Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính toàn niên độ tài chính 2013, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính của công ty. Tất cả các hoạt động này đều tuân thủ Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.

Ban Kiểm soát đồng ý với ý kiến của kiểm toán độc lập (Công ty Kiểm toán KPMG) về báo cáo tài chính của công ty được lập cho năm tài chính 2013.

6.2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC VÀ NỘI QUY CÔNG TY

Trong năm 2013, Công ty đã tuân thủ các quy định của Pháp luật liên quan Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán. Các chủ trương, hoạt động của Công ty đều trong khuôn khổ tuân thủ pháp luật và nội quy Công ty.

6.3. TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2013, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty bởi hoạt động của các thành viên hội đồng Quản trị, thành viên Ban giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng Ban điều hành Công ty năm 2013 đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc quản lý, điều hành.

Ban kiểm soát cũng đánh giá cao những nỗ lực của HĐQT và Ban Điều hành trong công tác phối hợp chặt chẽ với cán bộ công nhân viên công ty giúp Công ty đạt được kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013, mặc dù không hoàn thành kế hoạch doanh thu do Đại hội đồng cổ đông giao, nhưng đã hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận là một kết quả đáng trân trọng trong điều kiện nền kinh tế có nhiều biến động bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp với hàng loạt doanh nghiệp phải ngừng hoạt động hoặc phá sản, giải thể.

6.4. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã thực hiện tốt trách nhiệm trong việc phối hợp với HĐQT và Ban giám đốc theo dõi, giám sát chặt chẽ và hiệu quả tình hình hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp với pháp luật, phù hợp với những cam kết của HĐQT với cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông năm 2013 cũng như đáp ứng được quyền lợi của cổ đông.

Về công tác quan hệ cổ đông, Ban kiểm soát cũng đã có sự phối hợp với bộ phận quản trị cổ phiếu công ty trong công tác quan hệ cổ đông tiếp tục duy trì và chú ý nâng cao hơn nữa trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông.

6.5. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

Kiên toàn nhân sự về kiến thức chuyên môn; phân công, phân nhiệm rõ ràng và phối hợp chặt chẽ với nhau và với các đơn vị liên quan; thực hiện hiệu quả chức năng và nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Thực hiện nghiêm chỉnh và hiệu quả công tác giám sát hoạt động của Công ty, của các thành viên HĐQT và Ban điều hành nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật cũng như tinh thần Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2014 đã thông qua.

Giám sát trong việc công bố thông tin kịp thời và chính xác cho cổ đông theo đúng quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông.

Tp.HCM, ngày 10 tháng 3 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP CN-DV-TM NGỌC NGHĨA

Trưởng Ban



TRƯƠNG QUỐC THẮNG

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC TẬP ĐOÀN

7.1 TẦM NHÌN DÀI HẠN

📌 **Tầm nhìn:** NNG nỗ lực phấn đấu đến năm 2020

1. Trở thành biểu tượng niềm tin số 1 của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương về sản phẩm bao bì PET và là Nhà cung cấp bao bì PET lớn nhất Đông Nam Á.
2. Trở thành biểu tượng niềm tin số 1 Việt Nam về sản phẩm nước mắm và gia vị.

📌 **Sứ mệnh:** NNG cam kết

1. Mang đến cho khách hàng các sản phẩm bao bì PET tốt nhất và chất lượng nhất.
2. Mang đến cho cộng đồng nguồn nước mắm & gia vị ngon nhất, chất lượng nhất, bằng sự trân trọng và trách nhiệm cao của mình đối với cuộc sống con người và xã hội.

7.2 TẦM NHÌN TRUNG HẠN

📌 **Tầm nhìn:** đến năm 2016

1. Nhà cung cấp bao bì PET số 1 Đông Nam Á
2. Top 3 doanh nghiệp hàng đầu ngành nước chấm tại Việt Nam

📌 **Mục tiêu:**

1. Liên tục mở rộng thị phần
2. Hình ảnh trong tâm trí khách hàng luôn tốt hơn đối thủ
3. Đầu tư phát triển sản phẩm mũi nhọn
4. Cộng hưởng và hợp nhất để thống lĩnh thị trường PET

📌 **Chỉ tiêu:**

- **2013** : Hoàn thành tái cơ cấu ngành PET và sẵn sàng tăng tốc - Xác lập nền tảng vững chắc cho ngành Foods.
- **2014** : Giữ vững thị phần PET - Tăng tốc mở rộng thị phần ngành foods - Tăng tốc lợi nhuận toàn tập đoàn NNG.
- **2015** : Sẵn sàng tăng cường mở rộng đầu tư PET lẫn Foods bằng lợi nhuận tích lũy.
- **2016** : Sẵn sàng niêm yết cổ phiếu NNG trên sàn HoSE

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014

8.1. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Dự báo tình hình kinh tế năm 2014

Tình hình kinh tế thế giới những tháng cuối năm 2013 cho thấy những dấu hiệu phục hồi tuy còn non nớt và chậm chạp. Tốc độ tăng trưởng GDP ở các nền kinh tế lớn đã nhích hơn, nhưng khó có thể tăng trưởng trở lại nhanh chóng trong năm 2014, vấn đề nợ công vẫn tiếp tục đe dọa sự ổn định và phát triển của hầu hết các khu vực kinh tế bao gồm cả các khu vực kinh tế lớn. Các mối quan hệ chính trị phức tạp đang xảy ra giữa các cường quốc thế giới hình thành các cặp đối kháng Nga – Mỹ (Châu Âu) khởi ngòi tại Ukraine và Trung Quốc – Châu Âu, khởi ngòi tại Triều Tiên. Thương mại toàn cầu đứng trước rào cản lớn khi các khối đối lập này dùng kinh tế để tạo áp lực thỏa hiệp chính trị.

Các quốc gia có xu hướng hình thành các rào cản kỹ thuật để ngăn chặn sự xâm nhập của hàng hóa bên ngoài nhằm hỗ trợ cho các ngành sản xuất trong nước trong điều kiện nền kinh tế hầu khắp các nước đều rơi vào tình trạng khó khăn. Điều này sẽ gây ít nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu và có định hướng xuất khẩu.

Đối với kinh tế vĩ mô trong nước, Chính phủ tiếp tục đặt mục tiêu tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Trong đó, bám sát mục tiêu kiểm soát mức lạm phát năm 2014 là 6.5% - 7% để điều hành, tạo ra sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Tỷ lệ tăng trưởng GDP kỳ vọng ở mức 5.8%. Tuy nhiên, để đảm bảo cùng lúc duy trì mức lạm phát và mức tăng trưởng thực sự khó khăn bởi hiện tại sức cầu phục hồi yếu hơn mong đợi. Chỉ số tiêu dùng với mức gia tăng mà các chuyên gia kinh tế cho rằng “chưa từng thấy”, CPI của quý 1/2014 đã xác lập mức tăng thấp nhất trong 13 năm trở lại đây (0.69% tháng 1; 0.55% tháng 2 và giảm 0.44% ở tháng 3). Cộng thêm giá các mặt hàng thực phẩm, chi phí vận chuyển cùng áp lực tăng từ tăng giá xăng dầu, giá điện, lương cơ bản và bảo hiểm tăng theo quy định của nhà nước trong điều kiện CPI quá thấp và cứ tụt giảm đã làm doanh nghiệp vốn khó khăn nay lại càng khó khăn hơn. Năm 2013 có bao nhiêu DN được mở ra thì cũng tương đương gần ấy doanh nghiệp đóng cửa do thua lỗ kéo dài không có giải pháp cải tiến.

Vấn đề nợ xấu vẫn và cải cách hệ thống tài chính ngân hàng vẫn còn là một thách thức của nền kinh tế, mặc dù Chính phủ và Quốc hội đã có chủ trương thành lập công ty quản lý nợ quốc gia để thực hiện nhiệm vụ phối hợp với hệ thống ngân hàng thương mại xử lý nợ xấu của nền kinh tế, thúc đẩy nguồn chảy vốn tín dụng phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng nhiều và mạnh hơn nhưng đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có sự tiến triển rõ rệt nào.

Ngân hàng nhà nước đã liên tiếp điều chỉnh giảm lãi suất trong năm 2013 và Chính phủ sẽ tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất thấp trong năm 2014 để hỗ trợ cho nền kinh tế, giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp, tuy nhiên một khi vấn đề nợ xấu vẫn chưa được giải quyết cũng như khả năng hấp thụ vốn của các doanh nghiệp còn yếu trong bối cảnh sức cầu phục hồi chưa mạnh

thì việc giảm lãi suất cũng không thúc đẩy được doanh nghiệp vay tiền phục vụ cho đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

Năm 2014 Chính phủ vẫn tiếp tục duy trì chủ trương việc điều hành giá cả các mặt hàng chiến lược theo hướng thị trường hóa (*bao gồm xăng dầu, điện,...*), nên việc điều chỉnh tăng giá cả các mặt hàng này sẽ tiếp tục diễn ra nhanh hơn, và điều này sẽ gây thêm nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

Định hướng của Bộ Công thương xác định ngành nhựa là một trong những ngành hỗ trợ tích cực cho nền kinh tế đất nước. Theo quy hoạch, năm 2015 ngành nhựa đạt 78.500 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng ~5% toàn ngành công nghiệp (với trên 1.200 DN sản xuất), trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 2,15 tỷ USD. Bộ cũng tạo điều kiện khuyến khích các doanh nghiệp ngành nhựa, đặc biệt trong vấn đề sản xuất khuôn mẫu cũng như xử lý phế liệu tái chế ngành nhựa.

Nhận diện những cơ hội và rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động SXKD năm 2014 của NNG

Với việc dự báo tình hình kinh tế năm 2014 như trên thì việc nhận diện những cơ hội và rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của NNG cần được nhận diện và phân tích một cách cẩn trọng để có kế hoạch hành động phù hợp, nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Cụ thể:

Về cơ hội

- Đến thời điểm hiện tại, ngành bao bì PET của Tập đoàn Ngọc Nghĩa vẫn là đơn vị dẫn đầu thị trường Việt Nam với những sản phẩm đa dạng, được ứng dụng những công nghệ tiên tiến nhất cùng với hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mang tính khác biệt, dẫn mang đến cho khách hàng những sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Trong giai đoạn tới, Tập đoàn Ngọc Nghĩa xác định ngành bao bì PET vẫn là ngành chủ lực trong HDSXKD của mình. Các hoạt động đầu tư cho ngành PET thời gian tới không chỉ để giữ vững vị trí DN dẫn đầu ngành bao bì PET Việt Nam mà còn hướng đến mục tiêu số 1 Đông Nam Á năm 2016 và mục tiêu trở thành biểu tượng niềm tin số 1 khu vực Châu Á Thái Bình Dương năm 2020.
- Ngành nước mắm và gia vị sau 1 thời gian xây dựng, tích lũy kinh nghiệm đã có được hệ thống phân phối vững chắc, phạm vi bao phủ rộng, và đặc biệt sản phẩm đã được người tiêu dùng đón nhận bằng sự tin tưởng và đánh giá cao về các giá trị gia tăng mà các sản phẩm của nhà cung cấp khác không có được (như bổ sung sắt, i-ốt, bổ sung vitamin, sản phẩm cao đạm được sản xuất theo phương pháp công nghệ hiện đại,...).
- Hoạt động xuất khẩu của NNG đã được đẩy mạnh trong suốt 2 năm qua, đặc biệt là các sản phẩm ngành bao bì PET với sự đẩy mạnh xây dựng hệ thống đầu ra hướng về xuất khẩu, sẽ là tiền đề thuận lợi để NNG tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu trong năm 2014, mang về doanh thu lớn cho Tập đoàn, cũng như mang lại nguồn ngoại tệ để giúp tập đoàn chủ động trong việc nhập khẩu nguyên liệu PET, hạn chế ảnh hưởng của biến động tỷ giá, tăng khả năng cạnh tranh cho sản phẩm trên thị trường quốc tế.
- Thị trường tiền tệ diễn biến theo chiều hướng tích cực khi lãi suất huy động và cho vay tiếp tục duy trì ở mức thấp – quanh mức cuối năm 2013 và đang đà giảm ở quý 1/2014 sẽ góp phần giảm chi phí tài chính cho doanh nghiệp, nhưng nếu so với các nước trong khu vực thì lãi suất cho vay của Việt Nam vẫn còn cao.

Rủi ro

- Kinh tế trong nước tăng trưởng còn chậm chạp, sức cầu tiêu thụ chưa có sự cải tiến rõ rệt nên khó có thể giúp Tập đoàn tăng trưởng doanh thu mạnh đối với thị trường trong nước đối với các sản phẩm bao bì PET. Riêng đối với các sản phẩm ngành thực phẩm

thì do thị phần của NNG còn thấp nên tốc độ tăng trưởng sẽ có thể cao, tuy nhiên cùng với sự tăng trưởng ị ạch cầu tiêu dùng, việc thay đổi thói quen tiêu dùng của người dân để chiếm thị phần đáng kể từ các nhà dẫn thị trường hiện tại thực sự là một thách thức không nhỏ.

- Ngành bao bì PET tiếp tục chịu sự cạnh tranh từ các nhà sản xuất nước ngoài bắt đầu thâm nhập sâu vào thị trường Việt Nam. Đây là các nhà sản xuất có nguồn tài chính vững mạnh hoặc được hỗ trợ từ chính sách tiền tệ lãi suất thấp của chính quốc, rào cản về thuế quan đã được tháo bỏ, với hình thức chỉ xây dựng nhà máy tại Việt Nam đã giúp cho các doanh nghiệp ngoài có lợi thế cạnh tranh tốt về giá thành sản xuất. Điều này sẽ là áp lực không nhỏ cho DN sản xuất Việt Nam khi mà chính thức tiếp tục gia tăng lương cơ bản, bảo hiểm và điều tiết tăng giá điện, xăng dầu,...
- Các khách hàng chiến lược của ngành bao bì PET đã và tiếp tục có xu hướng thay đổi chiến lược kinh doanh theo chiều hướng tự trang bị hệ thống thổi chai PET sau 1 thời gian cộng tác với DN nội địa. Các khách hàng này chỉ mua phôi từ nhà cung cấp, và điều này tạo thuận lợi cho họ trong việc đa dạng nhà cung cấp, cũng như gây áp lực về giá cả đối với các nhà cung cấp bao bì PET trong nước.

8.2. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2014

Với những nhận định về cơ hội, rủi ro thách thức mà NNG có khả năng sẽ gặp phải trong năm 2014, NNG định hướng kế hoạch kinh doanh năm 2014 như sau:

Cấu trúc quản trị Tập đoàn

NNG tiếp tục tái cơ cấu để hoàn thiện mô hình quản trị Tập đoàn trong đó mỗi bộ phận chức năng dù được phân nhiệm thực hiện nhiệm vụ chung của Tập đoàn hay nhiệm vụ ngành, Công ty riêng rẽ đều hoạt động theo cơ chế của 1 chủ trung tâm lợi nhuận. Phân nhiệm chức năng quản trị như sau:

- Quản trị tài chính: quản lý dòng tiền và điều tiết nguồn vốn tập trung toàn Tập đoàn
- Quản trị nhân sự: phân công công việc, chính sách, quy chuẩn nhân công,... thực hiện thống nhất toàn Tập đoàn
- Quản trị mua hàng: thực hiện tập trung Tập đoàn
- Marketing và bán hàng: được phân nhiệm theo ngành
 - o Marketing và bán hàng ngành PET
 - o Marketing và bán hàng ngành nước chấm và gia vị
 - o Marketing và bán hàng ngành bánh
- Quản trị sản xuất: được phân nhiệm quản lý theo ngành và triển khai định hướng, kiểm soát thực hiện theo từng nhà máy
 - o Quản trị sản xuất ngành PET
 - o Quản trị sản xuất ngành nước chấm và gia vị
 - o Quản trị sản xuất ngành bánh
- Xưởng cơ khí: Tập đoàn có 1 xưởng cơ khí hoạt động độc lập, chủ động và linh hoạt trong việc sản xuất đáp ứng nhu cầu khuôn sản xuất của các nhà máy NNG bao gồm các nhà máy PET (đáp ứng nhanh theo yêu cầu khách hàng PET) và nhà máy nước chấm và gia vị (phục vụ cho sản xuất chai nước chấm và gia vị). Đây là lợi thế vượt trội mà rất ít doanh nghiệp ngành PET có được.

Định hướng Marketing và bán hàng ngành bao bì PET

Năm 2014 dự báo là năm NNG PET sẽ sôi động hơn ở lĩnh vực xuất khẩu và dự án lớn. Kế hoạch kinh doanh ngành PET của NNG trong năm 2014 tập trung thực hiện các vấn đề sau đây:

- Tăng tốc xuất khẩu ở thị trường hiện có, liên tục khai thác, mở rộng thị trường mới trong và ngoài khu vực. Các thị trường xuất khẩu chiến lược như Thái Lan, Indonesia, Philippin, Nhật Bản.
- Ổn định thị phần khách hàng hiện hữu của thị trường nội địa, khai thác tối đa nhu cầu mới của các khách hàng lớn. Đặc biệt, tập trung ở các dự án phát triển bao bì mới của các công ty đa quốc gia đầu tư tại Việt Nam.
- Định hướng sản phẩm: phát triển các sản phẩm mũi nhọn, không ngừng nâng cao giá trị gia tăng cho khách hàng, lấy lợi thế về sản phẩm để khai thác triệt để nhu cầu thị trường.
- Định hướng đầu tư: ưu tiên hàng đầu cho việc thực hiện tối ưu hóa máy móc, thiết bị hiện hữu. Các dự án đầu tư sẽ tập trung cho sản phẩm mũi nhọn, bám sát các dự án của khách hàng lớn trong khu vực. Tận dụng tối đa lợi thế về chế tạo khuôn mẫu và tự động hóa chủ động hỗ trợ khách hàng trong định hướng bao bì sản phẩm.
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, liên tục nâng cấp, bảo trì kho bãi đáp ứng các tiêu chuẩn khó tính của các khách hàng lớn như Unilever, Coke, PI,...
- Tiếp tục thực hiện việc đa dạng hóa khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm. Hạn chế tối đa mức độ ảnh hưởng lớn có thể dẫn đến bị động kinh doanh do tác động từ 1 vài khách hàng trong việc thay đổi chiến lược cung tiêu và sản phẩm.
- Xây dựng hệ thống thương mại nguyên vật liệu nhằm mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh thương mại trong năm 2014.
- Kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ đầu ra đủ khả năng để thực hiện mục tiêu sứ mệnh của ngành PET.

Định hướng Marketing và bán hàng ngành nước chấm và gia vị

Tập trung phát triển ngành hàng nước mắm và nước chấm, cụ thể:

- Ổn định bộ sản phẩm chủ lực, triển khai tung hàng các sản phẩm mới theo kế hoạch đối với nước mắm.
- Xây dựng và phát triển bộ sản phẩm nước tương.
- Sẵn sàng phương án tung hàng nước chấm pha sẵn và dầu ăn khi điều kiện thuận lợi.
- Kiện toàn hệ thống phân phối, chậm nhất 30/06/2014 các điểm còn yếu kém của hệ thống phân phối phải được khắc phục triệt để.
- Tăng cường các hoạt động đưa sản phẩm và thông điệp sản phẩm đến được người tiêu dùng, để người tiêu dùng thấy được giá trị đích thực của sản phẩm. Các hoạt động trọng điểm gồm truyền thông trực tiếp, quảng cáo truyền hình, khuyến mãi tiêu dùng. Đồng thời tăng cường trưng bày và các chương trình hợp tác dành cho điểm bán để nhanh chóng gia tăng độ phủ.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tiếp nhận và xử lý thông tin khách hàng nhanh chóng và hiệu quả.
- Xây dựng phương án dự phòng sẵn sàng khi chính phủ áp dụng các chính sách siết chặt tính tuân thủ luật giao thông cũng như luôn có sẵn các kịch bản sẵn sàng ứng phó các thay đổi liên quan điều vận do tác động từ khách quan, đảm bảo không gián đoạn cung tiêu. Không ngừng thực hiện các giải pháp cải tiến chi phí vận chuyển.

Định hướng Marketing và bán hàng ngành bánh

Tập đoàn xác định ngành bánh sẽ tiếp tục các kênh bán hàng chính gồm xuất khẩu, siêu thị, đại lý và khách hàng trọng điểm. Trước khi hoàn thành sứ mệnh lợi nhuận dương, ngành bánh sẽ chưa tái triển khai xây dựng hệ thống phân phối theo mô hình AS&D.

Nỗ lực huy động vốn từ các nhà đầu tư vốn để thực hiện nhiệm vụ cơ cấu vốn của Tập đoàn trong ngành công nghiệp.

Định hướng phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục phát triển năng lực tổ chức, hoàn thiện hệ thống quản trị, hệ thống nhân sự để đáp

ứng cho nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng mở rộng của công ty.

Xây dựng môi trường làm việc ngày càng thân thiện và hiệu quả để người lao động gắn bó với doanh nghiệp và phát huy hết mọi khả năng có thể có, phục vụ cho yêu cầu ngày càng đòi hỏi của công ty trong điều kiện cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Tăng cường tính hiệu quả của chính sách lương, thưởng, phúc lợi,... để động viên đội ngũ nhân sự tăng cường phát huy hết khả năng cống hiến có thể cho công ty.

Áp dụng chiến lược tuyển dụng, ổn định nhân lực chất lượng cao sáng tạo hiệu quả.

Chiến lược nhân sự và các kế hoạch sẽ được triển khai để đảm bảo đạt được mục tiêu cốt lõi “**NNG là nơi lựa chọn tốt nhất cho các nhân tài**”.

8.3. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Năm 2014, Tập đoàn Ngọc Nghĩa sẽ tiến hành thực hiện tăng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Thực Phẩm Hồng Phú thêm 50 tỷ đồng do Công ty cổ phần PET Quốc tế góp, để tăng vốn điều lệ từ mức 150 tỷ đồng như hiện nay lên mức 200 tỷ đồng nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Sau khi thực hiện việc tăng vốn này thì Tập đoàn Ngọc Nghĩa sẽ sở hữu 99,3% vốn điều lệ của công ty thành viên này.

Hội đồng Quản trị, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ủy quyền cho Ban Điều hành xúc tiến thủ tục cũng như thời gian để tiến hành góp vốn tăng vốn điều lệ cho Công ty CP Thực Phẩm Hồng Phú.

Riêng về hoạt động đầu tư tài sản của toàn Tập đoàn sẽ thực hiện theo các dự án lớn của khách hàng như Unilever, Coke, Pepsi như đã thực hiện trong năm 2013. Ngoài ra sẽ đầu tư khuôn phát triển sản phẩm mới cho khách hàng hiện hữu, đầu tư bảo trì, nâng cấp máy móc, thiết bị để đáp ứng nhu cầu của các khách hàng đa quốc gia với tổng đầu tư cho các hạng mục này không quá 10% tổng tài sản trong kỳ.

8.4. KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế năm 2014 cùng với nội lực hiện tại của Tập đoàn Ngọc Nghĩa, HĐQT kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính hợp nhất cho năm 2014 như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TOÀN TẬP ĐOÀN
Doanh thu thuần	2,119
Giá vốn	1,577
Lãi gộp	542
Chi phí quản lý	97
Chi phí bán hàng & Marketing	204
Lợi nhuận từ SXKD	241
EBITDA	364
Lãi vay	104
Lợi nhuận trước thuế	137
Thuế TNDN	15
Lợi nhuận sau thuế	122

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2013

9.1. CÔNG TY CP CN-DV-TM NGỌC NGHĨA & CÔNG TY CP NHỰA P.E.T VIỆT NAM

Năm 2013, Công ty CP CN – DV – TM Ngọc Nghĩa và Công ty CP Nhựa P.E.T Việt Nam (VNP) chịu ảnh hưởng của việc trích dự phòng cho khoản góp vốn vào các Công ty ngành Thực phẩm làm cho kết quả lợi nhuận ròng âm nên không được thực hiện việc chia cổ tức của năm 2013. Trong đó, cổ tức năm 2012 của VNP đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chia cho cổ đông nhưng công ty chưa thực hiện việc chi trả cho cổ đông là: 10.158.320.000 đồng.

Với những khó khăn chung của nền kinh tế chưa được khắc phục trong quý 1/2014, nguồn vốn NNG tập trung cho các dự án trọng điểm sắp đi vào hoạt động như dự án chai mỹ phẩm shishedo, dự án mở rộng chai HF Coke,... Ban giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc hủy cổ tức đợt 2 của năm 2013 chưa thanh toán. Theo thống kê tại 31/03/2014, số cổ đông nhỏ lẻ là CBCNV trong Tập đoàn chiếm 0,0081% tổng số cổ phần; số cổ đông là khách hàng và nhà cung cấp chiếm 0,0019% tổng số cổ phần. Để chia sẻ và khích lệ CBCNV đã nỗ lực phấn đấu vì Tập đoàn thời gian qua cũng như khách hàng và nhà cung cấp, Ban giám đốc đề trình Đại hội cho phép cấp ngân sách thưởng cho CBCNV tương ứng quỹ cổ tức dự kiến cho cổ đông nhỏ lẻ là CBCNV.

9.2. CÔNG TY CP PET QUỐC TẾ & CÔNG TY CP NẮP TOÀN CẦU

Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa sở hữu 7.840.000 cổ phần của Công ty CP Pet Quốc Tế, tương ứng với tỷ lệ 98% vốn điều lệ và sở hữu 9.840.000 cổ phần của Công ty CP Nắp Toàn Cầu, tương ứng với tỷ lệ 99,39% vốn điều lệ Công ty.

Lợi nhuận sau thuế năm 2013 của Công ty Cổ phần PET Quốc Tế theo Báo cáo tài chính đã được công ty kiểm toán KPMG kiểm toán là 78.187.410.351 đồng. Lợi nhuận sau thuế năm 2013 của Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu theo Báo cáo tài chính đã được công ty kiểm toán KPMG kiểm toán là 88.725.827.703 đồng. Trong đó, cổ tức năm 2012 Công ty cổ phần PET Quốc tế dự kiến chi trả là 30.800.000.000 đồng đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP PET Quốc tế thông qua về việc hủy bỏ. Do nhu cầu vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh nên năm 2013 Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần PET Quốc Tế và Công ty CP Nắp Toàn Cầu quyết định không thực hiện việc chia cổ tức cho cổ đông mà dành vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

9.3. CÔNG TY CP THỰC PHẨM HỒNG PHÚ & CÔNG TY CP THỰC PHẨM ĐÔNG Á

Các công ty con: Công ty CP Thực phẩm Đông Á (DAF) và Công ty CP Thực phẩm Hồng Phú (HPF) trong năm 2013 hoạt động lỗ nên không có kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP CN-DV-TM NGỌC NGHĨA
 Chủ tịch



La Văn Hoàng

BÁO CÁO LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÙ LAO HĐQT, BKS & BAN THƯ KÝ**10.1. THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN THƯ KÝ NĂM 2013**

Mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban thư lý năm 2013 được thực hiện trong phạm vi ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông năm 2013 ngày 24/04/2013. Cụ thể ngân sách đã thực hiện như sau:

STT	THÙ LAO	NGÂN SÁCH DO ĐHĐCĐ PHÊ DUYỆT CHO NĂM 2013	NGÂN SÁCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2013
1	Hội đồng quản trị	1.050.000.000	685.000.000
2	Ban kiểm soát	210.000.000	143.000.000
3	Ban thư ký	70.000.000	65.000.000

10.2. LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2013

Mức lương của Tổng giám đốc năm 2013 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 250 triệu/tháng (lương gộp) và được hưởng 13 tháng lương. Kết quả thực hiện như sau:

STT	LƯƠNG TỔNG GIÁM ĐỐC	NGÂN SÁCH DO ĐHĐCĐ PHÊ DUYỆT CHO NĂM 2013	NGÂN SÁCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2013
1	Lương Tổng giám đốc	3.250.000.000	3.250.000.000

Căn cứ tình hình hoạt động của công ty trong năm 2013, kế hoạch kinh doanh 2014, và biên bản họp Hội đồng Quản trị 24/03/2014, HĐQT đề xuất trước ĐHĐCĐ về mức lương gộp của Tổng Giám đốc là 250 triệu đồng/tháng và Tổng Giám đốc sẽ được hưởng lương tháng 13 và các phúc lợi khác theo chính sách nhân sự chung của Công ty. Riêng mức thưởng cho Tổng Giám đốc căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty.

10.3. ĐỀ XUẤT THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN THƯ KÝ NĂM 2014

Tình hình HĐSXKD NNG trong năm 2014 dự báo còn rất nhiều khó khăn phải giải quyết, để tập trung nguồn lực thực hiện các dự án trọng điểm ngành PET, cắt giảm tối đa chi phí không thiết yếu, Hội đồng Quản trị đề trình Đại hội việc HĐQT sẽ không nhận thù lao trong năm 2014.

Đề nghị thù lao cho Ban kiểm soát và thư ký HĐQT như sau:

STT	KHOẢN MỤC	Thù lao/tháng	Số tháng	Số người	Tổng ngân sách
1	Ban Kiểm soát	TB: 5 triệu đồng TV: 3 triệu đồng	13	3	143.000.000
2	Ban Thư ký	5.000.000	13	1	65.000.000

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Tính đến 31/12/2013. Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Ngọc Nghĩa đã đầu tư vào các Công ty như Công ty Cổ phần Nhựa PET Việt Nam, Công ty Cổ phần PET Quốc tế, Công ty Cổ phần Nắp Toàn Cầu, Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú. Trong đó tổng số cổ phần sở hữu tính đến cuối năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2013	Tổng giá trị góp vốn theo tỷ lệ sở hữu và vốn điều lệ	Tổng giá trị vốn thực góp đến ngày 31/12/2013
Cty CP Nhựa PET Việt Nam	23.624.000.000	99,00%	116.005.724.000	116.005.724.000
Cty CP PET Quốc tế	80.000.000.000	98,00%	78.400.000.000	78.400.000.000
Cty CP Nắp Toàn Cầu	99.000.000.000	99,39%	98.400.000.000	98.400.000.000
Cty CP Thực phẩm Đông Á	55.000.000.000	95,05%	52.280.000.000	52.280.000.000
Cty CP Thực phẩm Hồng Phú	150.000.000.000	54,00%	81.000.000.000	81.000.000.000
Tổng cộng			426.085.724.000	426.085.724.000

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Nhựa PET Việt Nam cũng đã thực hiện đầu tư vào các công ty thuộc tập đoàn Ngọc Nghĩa như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2013	Tổng giá trị góp vốn theo tỷ lệ sở hữu và vốn điều lệ	Tổng giá trị vốn thực góp đến ngày 31/12/2013
Cty CP Thực phẩm Hồng Phú	150.000.000.000	45,10%	67.650.000.000	67.650.000.000
Tổng cộng			67.650.000.000	67.650.000.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

12.1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) và các công ty con con (gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 18 lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301427028 ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô IV – 22, Đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị	Ông La Văn Hoàng	Chủ tịch
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
	Bà Bùi Bích Hồng	Thành viên
	Ông La Hoài Nam	Thành viên
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2013)
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên (đến ngày 21 tháng 11 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc	Ông La Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh & Quan hệ Đối ngoại
	Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc Tài chính và Đầu tư
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc Tiếp thị
	Bà Nguyễn Bạch Kim Vy	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự
	Bà Đào Thị Thuận	Phó Tổng Giám đốc Cung ứng và Điều vận
	Bà Nguyễn Thị Châu	Giám đốc Quản trị Rủi Ro
	Ông Đặng Thái Bình	Giám đốc Pháp chế

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận thuần hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 62.693.691.698 VND (2012:41.149.171.209 VND). Trong năm, Tập đoàn công bố cổ tức là 52.250.000.000 VND (2012: không).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị xác nhận Tập đoàn đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Tập đoàn và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Tập đoàn tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Tập đoàn và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Là Văn Hoàng
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

12.2. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
Distric 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

3


KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative (“KPMG International”), a Swiss entity.



Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230
Báo cáo kiểm toán số: 13-01-101


Lamp Hồ Ngọc Hào
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014



12.3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGỌC NGHĨA HỢP NHẤT

12.3.1. Bảng cân đối kế toán

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		586.809.114.291	399.505.299.003
Tiền	110	5	71.595.361.478	29.087.008.046
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	50.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn	130	7	167.000.261.417	120.213.868.993
Phải thu khách hàng	131		142.685.228.651	90.152.215.656
Trả trước cho người bán	132		13.922.646.883	20.693.922.998
Các khoản phải thu khác	135		10.854.967.592	10.205.348.345
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(462.581.709)	(837.618.006)
Hàng tồn kho	140	8	243.953.257.342	214.343.788.271
Hàng tồn kho	141		243.953.257.342	243.227.033.420
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(28.883.245.149)
Tài sản ngắn hạn khác	150		54.260.234.054	35.860.633.693
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.694.525.252	11.158.360.616
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		41.275.980.183	21.986.616.974
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		726.924.530	747.401.444
Tài sản ngắn hạn khác	158		562.804.089	1.968.254.659
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		1.349.853.969.947	1.391.294.439.685
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.207.286.106	6.917.820.623
Tài sản cố định	220		1.283.871.736.322	1.322.564.063.934
Tài sản cố định hữu hình	221	9	689.593.192.767	752.402.862.957
Nguyên giá	222		1.110.694.070.577	1.102.690.557.154
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(421.100.877.810)	(350.287.694.197)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	244.945.995.775	253.510.675.176
Nguyên giá	225		293.892.498.519	309.783.537.672
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(48.946.502.744)	(56.272.862.496)
Tài sản cố định vô hình	227	11	285.924.801.148	288.787.848.791
Nguyên giá	228		299.362.906.127	299.371.430.991
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.438.104.979)	(10.583.582.200)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	63.407.746.632	27.862.677.010
Tài sản dài hạn khác	260		60.774.947.519	61.812.555.128
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	11.209.213.703	10.084.234.059
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	723.648.295	192.423.577
Tài sản dài hạn khác	268		6.083.619.020	2.184.380.000
Lợi thế thương mại	269	15	42.758.466.501	49.351.517.492
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.936.663.084.238	1.790.799.738.688

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.290.307.311.254	1.154.786.177.402
Nợ ngắn hạn	310		1.119.085.075.230	840.347.795.600
Vay ngắn hạn	311	16	921.225.152.911	715.101.821.425
Phải trả người bán	312		102.149.608.164	72.150.416.100
Người mua trả tiền trước	313		28.807.090.918	6.327.213.896
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	17	7.934.092.268	7.775.641.569
Phải trả người lao động	315		3.179.208.647	3.101.353.682
Chi phí phải trả	316	18	18.485.826.738	17.141.021.330
Các khoản phải trả khác	319	19	33.970.596.659	15.377.050.210
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		3.333.498.925	3.373.277.388
Vay và nợ dài hạn	330		171.222.236.024	314.438.381.802
Vay và nợ dài hạn	334	20	171.222.236.024	314.438.381.802
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		643.945.994.706	636.013.561.286
Vốn chủ sở hữu	410	21	643.945.994.706	636.013.561.286
Vốn cổ phần	411	22	522.500.000.000	522.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu quỹ	414	22	(780.000)	(780.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		5.714.053.793	5.714.053.793
Quỹ dự phòng tài chính	418	23	10.973.114.162	10.973.114.162
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	23	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận chưa phân phối	420		57.667.102.902	49.734.669.482
LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	24	2.409.778.278	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.936.663.084.238	1.790.799.738.688

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

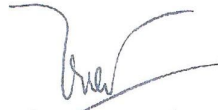
Mẫu B 01 - DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ		
+ USD	154.209	29.005
+ EUR	788	27.957
+ GBP	-	165

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Đòng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

7



12.3.2. Báo cáo Kết quả kinh doanh

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	26	1.782.426.102.513	1.882.900.966.370
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	4.075.845.512	9.751.365.131
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	26	1.778.350.257.001	1.873.149.601.239
Giá vốn hàng bán	11		1.226.534.684.380	1.356.092.083.802
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		551.815.572.621	517.057.517.437
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	4.252.875.560	4.491.111.249
Chi phí tài chính	22	28	104.205.280.985	170.259.344.865
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		98.699.165.983	166.214.865.952
Chi phí bán hàng	24		274.517.352.359	177.795.381.026
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		83.254.319.373	81.888.730.643
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		94.091.495.464	91.605.172.152
Thu nhập khác	31	29	93.087.239.931	123.782.477.071
Chi phí khác	32	30	95.308.557.029	123.122.707.300
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.221.317.098)	659.769.771
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		91.870.178.366	92.264.941.923
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	29.707.711.386	48.991.416.167
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(531.224.718)	2.124.354.547
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		62.693.691.698	41.149.171.209

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

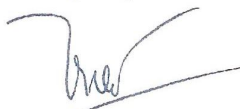
Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	24	2.511.258.278	(600.000.000)
Cổ đông của Công ty	62		60.182.433.420	41.749.171.209
<hr/>				
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.152	799

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Dòng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



12.3.3. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		91.870.178.366	92.264.941.923
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		124.942.593.712	126.596.495.231
Các khoản dự phòng	03		(28.677.500.799)	(181.255.817)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(147.779.213)	(72.118.893)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	05		668.897.565	5.434.924.268
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		101.036.000	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(1.505.245.907)	(1.139.203.958)
Chi phí lãi vay	06		98.699.165.983	166.214.865.952
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		285.951.345.707	389.118.648.706
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(62.919.955.187)	96.959.947.393
Biến động hàng tồn kho	10		(914.757.911)	62.873.043.871
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		57.623.536.228	(34.002.577.097)
Biến động chi phí trả trước	12		3.415.325.922	(2.014.974.155)
			283.155.494.759	512.934.088.718
Tiền lãi vay đã trả	13		(107.381.768.359)	(168.883.803.704)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(32.260.485.914)	(57.430.633.538)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.937.240.320)	(36.440.324)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		139.576.000.166	286.583.211.152
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(100.548.558.190)	(31.611.283.294)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		92.106.608.473	111.959.484.849
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(50.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		1.505.245.907	1.139.203.958
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(56.936.703.810)	81.487.405.513

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

12.4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”). Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại, sản xuất thực phẩm, hải sản, sữa và các sản phẩm liên quan và nước giải khát không cồn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có 1.421 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.484 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/IN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày quyền kiểm soát kết thúc.

(ii) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay qui đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty và các công ty con, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty hoặc công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi Công ty hoặc các công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chỉ tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được ghi nhận bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời gian hữu dụng xác định được phân bổ theo thời gian hữu dụng từ 43 đến 50 năm.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo hợp nhất kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(iii) Chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm phí cấp tín dụng trung dài hạn, phí phát hành trái phiếu và chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Đối với các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(m) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản tiền gửi ngắn hạn (các khoản đầu tư ngắn hạn) được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các tài sản tài chính khác trong bảng cân đối kế toán được phân loại là các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được lập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Toàn bộ nợ phải trả tài chính trong bảng cân đối kế toán được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

19

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Hợp nhất	
	2013 VND	2012 VND	2013 VND	2012 VND	2013 VND	2012 VND
Doanh thu bán hàng bên ngoài	1.259.116.496,044	1.395.151.550,231	519.233.760,957	477.998,051,008	1.778.350,257,001	1.873.149,601,239
Tài sản bộ phận	1.936.663.084,238	1.790.799.738,688	-	-	1.936.663,084,238	1.790.799,738,688
Mua sắm tài sản	100.548.558,190	31.611.283,294	-	-	100.548,558,190	31.611,283,294

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	843.256.473	955.822.208
Tiền gửi ngân hàng	70.752.105.005	28.131.185.838
	<hr/>	<hr/>
	71.595.361.478	29.087.008.046

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	50.000.000.000	-

(*) Tiền gửi có kỳ hạn sáu tháng và hưởng lãi suất 7,5%/năm.

7. Phải thu ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 92.101 triệu VND (31/12/2012: 43.484 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Hàng tồn kho

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên vật liệu	106.502.703.809	107.412.662.062
Công cụ và dụng cụ	3.674.473.842	3.643.476.137
Sản phẩm dở dang	55.007.666.861	71.503.275.062
Thành phẩm	59.834.825.142	54.888.683.224
Hàng hóa	3.710.933.739	5.765.498.278
Hàng gửi đi bán	15.222.653.949	13.438.657
	<hr/>	<hr/>
	243.953.257.342	243.227.033.420
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(28.883.245.149)
	<hr/>	<hr/>
	243.953.257.342	214.343.788.271

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	28.883.245.149	29.944.361.194
Tăng dự phòng trong năm	(188.533.989)	(42.242.222)
Hoàn nhập	(28.694.711.160)	(1.018.873.823)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	28.883.245.149

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	150.779.501.459	12.401.634.646	910.465.204.190	29.044.216.859	1.102.690.557.154
Tăng trong năm	3.309.433.215	709.969.909	18.316.145.645	11.601.240.014	33.936.788.783
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	23.283.713.744	-	5.608.241.942	-	28.891.955.686
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	-	90.762.235.582	4.227.720.029	94.989.955.611
Thanh lý	(286.976.910)	(98.229.810)	(136.063.301.554)	(3.021.461.705)	(139.469.969.979)
Xóa sổ	-	(351.628.565)	(201.976.636)	-	(553.605.201)
Phân loại lại (*)	(60.708.629)	(2.897.727.176)	(6.559.128.838)	(274.046.834)	(9.791.611.477)
Số dư cuối năm	177.024.962.879	9.764.019.004	882.327.420.331	41.577.668.363	1.110.694.070.577
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	24.951.883.466	5.045.821.189	307.587.123.529	12.702.866.013	350.287.694.197
Khấu hao trong năm	8.373.014.105	1.519.746.702	75.926.259.215	3.292.462.281	89.111.482.303
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	-	32.312.605.177	1.359.968.430	33.672.573.607
Thanh lý	(222.190.704)	(88.868.271)	(44.848.034.030)	(1.535.370.936)	(46.694.463.941)
Xóa sổ	-	(351.628.565)	(201.976.636)	-	(553.605.201)
Phân loại lại (*)	(47.791.972)	(1.829.580.183)	(2.671.006.045)	(174.424.955)	(4.722.803.155)
Số dư cuối năm	33.054.914.895	4.295.490.872	368.104.971.210	15.645.500.833	421.100.877.810
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	125.827.617.993	7.355.813.457	602.878.080.661	16.341.350.846	752.402.862.957
Số dư cuối năm	143.970.047.984	5.468.528.132	514.222.449.121	25.932.167.530	689.593.192.767

26

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn (thuyết minh 13).

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 118.615 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 98.746 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là triệu 347.145 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 605.720 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 16 và thuyết minh 20).

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	274.486.731.582	35.296.806.090	309.783.537.672
Tăng trong năm	77.061.669.159	-	77.061.669.159
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.277.198.351	-	4.277.198.351
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(2.239.951.052)	-	(2.239.951.052)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(90.762.235.582)	(4.227.720.029)	(94.989.955.611)
Số dư cuối năm	262.823.412.458	31.069.086.061	293.892.498.519
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	53.156.317.108	3.116.545.388	56.272.862.496
Khấu hao trong năm	25.877.350.293	468.863.562	26.346.213.855
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(32.312.605.177)	(1.359.968.430)	(33.672.573.607)
Số dư cuối năm	46.721.062.224	2.225.440.520	48.946.502.744
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	221.330.414.474	32.180.260.702	253.510.675.176
Số dư cuối năm	216.102.350.234	28.843.645.541	244.945.995.775

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tập đoàn thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (thuyết minh 20).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	297.398.974.953	1.972.456.038	299.371.430.991
Tăng trong năm	-	36.460.800	36.460.800
Xóa sổ	-	(22.000.000)	(22.000.000)
Phân loại lại (*)	-	(22.985.664)	(22.985.664)
Số dư cuối năm	297.398.974.953	1.963.931.174	299.362.906.127
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	9.479.397.996	1.104.184.204	10.583.582.200
Khấu hao trong năm	2.443.667.032	448.179.531	2.891.846.563
Xóa sổ	-	(22.000.000)	(22.000.000)
Phân loại lại (*)	-	(15.323.784)	(15.323.784)
Số dư cuối năm	11.923.065.028	1.515.039.951	13.438.104.979
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	287.919.576.957	868.271.834	288.787.848.791
Số dư cuối năm	285.475.909.925	448.891.223	285.924.801.148

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (thuyết minh 13).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 46.112 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 43.976 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 16 và thuyết minh 20).

Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 199.433 triệu VND) không tính khấu hao.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	27.862.677.010	60.150.944.416
Tăng trong năm	66.575.308.607	57.542.309.076
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	2.239.951.052	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(28.891.955.686)	(44.952.368.636)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(4.277.198.351)	(44.878.207.846)
Xóa sổ	(101.036.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	63.407.746.632	27.862.677.010

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Máy móc	47.412.270.817	19.981.571.424
Phần mềm ERP	7.409.391.026	7.356.980.546
Khuôn nhựa	8.050.451.789	3.421.040
Khác	535.633.000	520.704.000
	<hr/>	<hr/>
	63.407.746.632	27.862.677.010

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 44.705 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (thuyết minh 20).

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	3.098.034.254	5.063.724.394	1.922.475.411	10.084.234.059
Tăng trong năm	-	2.530.057.725	-	2.530.057.725
Phân loại lại từ tài sản cố định (*)	-	5.047.114.267	-	5.047.114.267
Phân bổ trong năm	(1.206.661.032)	(4.044.669.632)	(1.200.861.684)	(6.452.192.348)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.891.373.222	8.596.226.754	721.613.727	11.209.213.703

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(*). Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình trong năm (thuyết minh 9 và thuyết minh 11). Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá ba năm.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:		
Chi phí phải trả	126.667.709	85.710.146
Lợi nhuận chưa thực hiện	596.980.586	106.713.431
	723.648.295	192.423.577

15. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	65.930.509.910
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	16.578.992.418
Phân bổ trong năm	6.593.050.991
Số dư cuối năm	23.172.043.409
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	49.351.517.492
Số dư cuối năm	42.758.466.501

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

16. Vay ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	834.745.260.762	550.050.884.467
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 20)	86.479.892.149	165.050.936.958
	921.225.152.911	715.101.821.425

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	7,0%	316.561.877.376	276.978.172.336
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	USD	3,8%	81.632.929.291	72.086.625.338
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	7,0%	52.500.033.112	32.481.791.558
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	7,0%	185.272.247.744	78.980.828.793
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	USD	4,5% - 5,5%	-	36.594.539.275
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	7,0%	140.965.941.239	6.693.834.150
Ngân hàng HSBC	VND	8,0%	57.812.232.000	41.491.509.557
Ngân hàng HSBC	USD	5,0%-5,6%	-	1.075.564.160
Ngân hàng HSBC	USD	5,0 - 5,6%	-	3.668.019.300
			834.745.260.762	550.050.884.467

Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 lần lượt là 88.344 triệu VND và 12.049 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: tài sản cố định hữu hình là 75.496 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 9.953 triệu VND) (thuyết minh 9 và thuyết minh 11).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.734.335.712	2.013.125.403
Thuế nhập khẩu	-	33.028.270
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.104.779.482	4.657.554.010
Thuế thu nhập cá nhân	1.094.977.074	1.071.933.886
	<hr/> 7.934.092.268	<hr/> 7.775.641.569

18. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.463.667.005	10.146.269.381
Lương và thưởng	6.000.861.944	5.363.954.050
Chiết khấu bán hàng	6.296.462.771	-
Chi phí khác	4.724.835.018	1.630.797.899
	<hr/> 18.485.826.738	<hr/> 17.141.021.330

19. Các khoản phải trả khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ký quỹ của khách hàng	4.104.001.129	10.767.761.757
Cổ tức phải trả	26.152.715.500	-
Các khoản phải trả khác	3.713.880.030	4.609.288.453
	<hr/> 33.970.596.659	<hr/> 15.377.050.210

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

20. Vay và nợ dài hạn

		31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn (a)		125.845.900.804	259.061.539.651
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn		-	100.000.000.000
Nợ thuê tài chính (b)		131.856.227.369	120.427.779.109
		257.702.128.173	479.489.318.760
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 16)		(86.479.892.149)	(165.050.936.958)
Hoàn trả sau 12 tháng		171.222.236.024	314.438.381.802

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính như sau:

(a) Vay dài hạn

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay từ Ngân hàng Tiên Phong và Ngân hàng Đại Dương	VND	17,0%-19,5%	2014	-	19.994.957.846
Ngân hàng An Bình	VND	15,5% -21,0%	2013	-	105.000.000
Ngân hàng An Bình	VND	15,5% -21,0%	2014	-	9.353.230.000
Ngân hàng An Bình	VND	15,0% -21,0%	2015	-	68.483.603.785
Ngân hàng An Bình	VND	15,0% -21,0%	2015	-	31.319.174.637
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0% -19,0%	2014	-	2.808.889.400
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0% -19,0%	2014	-	4.843.631.800
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0% -19,0%	2014	-	1.134.000.000
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0% -19,0%	2014	-	68.725.000
Ngân hàng Bảo Việt	VND	13,4%	2016	71.622.051.183	106.332.827.183
Ngân hàng HSBC	VND	10,8%	2015	9.745.000.000	14.617.500.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	11,1%	2018	44.478.849.621	-
				125.845.900.804	259.061.539.651

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bởi các tài sản của Tập đoàn như sau:

		Giá trị ghi sổ tại ngày	
		31/12/2013	31/12/2012
		VND	VND
Phải thu khách hàng	(thuyết minh 7)	92.100.615.067	43.484.413.325
Tài sản cố định hữu hình	(thuyết minh 9)	258.801.473.197	530.224.000.000
Tài sản cố định vô hình	(thuyết minh 11)	34.063.063.308	34.023.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	(thuyết minh 12)	44.704.770.565	-
		<u>429.669.922.137</u>	<u>607.731.413.325</u>

(b) Nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính trong tương lai như sau:

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	31/12/2013	
		Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
		VND	VND
Trong vòng một năm	57.496.243.391	12.830.950.666	44.665.292.725
Từ hai đến năm năm	101.028.581.909	13.837.647.265	87.190.934.644
	<u>158.524.825.300</u>	<u>26.668.597.931</u>	<u>131.856.227.369</u>
		31/12/2012	
		Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
		VND	VND
Trong vòng một năm	63.435.654.503	13.859.605.355	49.576.049.148
Từ hai đến năm năm	85.634.735.466	14.783.005.505	70.851.729.961
	<u>149.070.389.969</u>	<u>28.642.610.860</u>	<u>120.427.779.109</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ tương đương 2.823 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 9.145 triệu VND).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu ngần quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	7.985.498.273	594.264.390.077
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	41.749.171.209	41.749.171.209
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	49.734.669.482	636.013.561.286
Lợi nhuận thuần trong năm Cổ tức (thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	60.182.433.420	60.182.433.420
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	57.667.102.902	643.945.994.706



(Handwritten notes and signatures in red ink)

(Handwritten notes in red ink)

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(78)	(780.000)	(78)	(780.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.249.922	522.499.220.000	52.249.922	522.499.220.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15.822.496	30,14%
Bà Bùi Bích Hồng	9.746.823	18,57%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9.586.963	18,26%
Rcd River Holding	5.637.874	10,74%
Cổ đông khác	11.455.766	22,29%
	52.249.922	100%

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

23. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

24. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	-	-
Vốn góp của cổ đông thiểu số	-	600.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) thuộc các cổ đông thiểu số	2.511.258.278	(600.000.000)
Cổ tức nhận được	(101.480.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.409.778.278	-

25. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 24 tháng 4 năm 2013 quyết định phân phối khoản cổ tức 52.250 triệu VND (2012: không VND).

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Hàng hóa đã bán	1.782.426.102.513	1.882.900.966.370
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(88.801.139)	(22.215.431)
▪ Giảm giá hàng bán	-	(17.160.960)
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.987.044.373)	(9.711.988.740)
	(4.075.845.512)	(9.751.365.131)
Doanh thu thuần	1.778.350.257.001	1.873.149.601.239

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi	1.505.245.907	1.139.203.958
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.412.284.986	3.016.188.706
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	232.639.925	303.227.710
Doanh thu hoạt động tài chính khác	102.704.742	32.490.875
	4.252.875.560	4.491.111.249

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

28. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	98.699.165.983	166.214.865.952
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.358.100.076	3.813.359.832
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	84.860.712	231.108.817
Chi phí tài chính khác	63.154.214	10.264
	104.205.280.985	170.259.344.865

29. Thu nhập khác

	2013 VND	2012 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	92.106.608.473	111.959.484.849
Thu nhập khác	980.631.458	11.822.992.222
	93.087.239.931	123.782.477.071

30. Chi phí khác

	2013 VND	2012 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thanh lý	92.775.506.038	117.394.409.117
Chi phí khác	2.533.050.991	5.728.298.183
	95.308.557.029	123.122.707.300

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	29.837.040.803	48.991.416.167
Dự phòng thừa trong những năm trước	(129.329.417)	-
	29.707.711.386	48.991.416.167
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(531.224.718)	2.124.354.547
	29.176.486.668	51.115.770.714

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	91.870.178.366	92.264.941.923
Thuế theo thuế suất của Công ty	22.967.544.592	23.066.235.481
Ưu đãi thuế	(25.891.031.711)	(16.348.849.599)
Ảnh hưởng của thuế suất khác nhau	(1.668.749.190)	11.514.678.257
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.306.982.266	4.526.723.001
Dự phòng thừa trong những năm trước	(129.329.417)	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con	31.591.070.128	28.356.983.574
	29.176.486.668	51.115.770.714

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ hoạt động kinh doanh tại nhà máy ở Huyện Cù Chi của Công ty, chịu thuế suất 15%.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần PET Quốc tế và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp lần lượt bằng 20% và 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên, cả hai công ty đều được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho các năm tiếp theo và được miễn thuế thu nhập trong 2 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho 4 năm tiếp theo.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại ngày kết thúc năm, được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	60.182.433.420	41.749.171.209

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013	2012
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	52.249.922	52.249.922
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	52.249.922	52.249.922

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

33. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, Tập đoàn hướng đến phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản cho các công ty con vay.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	70.752.105.005	28.131.185.838
Đầu tư ngắn hạn (tiền gửi kỳ hạn)	(ii)	50.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	153.077.614.534	99.519.945.995
		<hr/>	<hr/>
		273.829.719.539	127.651.131.833

42

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi kỳ hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 60 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	15.393.917.931	21.573.105.340
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	15.077.131.749	6.679.909.551
Quá hạn trên 180 ngày	2.106.583.297	7.022.660.204
	32.577.632.977	35.275.675.095

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	837.618.006	-
Tăng dự phòng trong năm	17.210.361	837.618.006
Dự phòng sử dụng trong năm	(392.246.658)	-
Số dư cuối năm	462.581.709	837.618.006

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	157.785.240.208	157.785.240.208	157.785.240.208	-	-
Vay ngắn hạn	834.745.260.762	856.836.441.648	856.836.441.648	-	-
Vay dài hạn	125.845.900.804	158.688.390.380	57.840.410.616	51.861.783.993	48.986.195.771
Nợ thuế tài chính	131.856.227.369	158.524.825.300	57.496.243.391	46.071.138.257	54.957.443.652
	1.250.232.629.143	1.331.834.897.536	1.129.958.335.863	97.932.922.250	103.943.639.423

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	107.769.841.322	107.769.841.322	107.769.841.322	-	-
Vay ngắn hạn	550.050.884.467	565.333.139.703	565.333.139.703	-	-
Vay dài hạn	259.061.539.651	313.790.873.362	148.993.667.347	108.215.874.267	56.581.331.748
Trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	244.261.805.556	122.130.902.778	15.375.000.000	106.755.902.778
Nợ thuế tài chính	120.427.779.109	149.070.389.969	63.435.654.503	37.589.807.204	48.044.928.262
	1.137.310.044.549	1.380.226.049.912	1.007.663.205.653	161.180.681.471	211.382.162.788

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Form B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro hối đoái từ các giao dịch bán, mua và vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	31/12/2013 USD	31/12/2012 USD
Tiền	154.209	29.005
Phải thu khách hàng	1.145.174	228.730
Tài sản ngắn hạn khác	6.000	-
Phải trả người bán	(11.243)	(325.601)
Vay ngắn hạn	(3.873.081)	(5.449.690)
Nợ thuê tài chính	(133.937)	(171.439)
Phải trả khác	(183.950)	-
	(2.896.828)	(5.688.995)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
1 USD	21.083	20.812

Các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo là không đáng kể. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/ITN

(ii) **Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

	Giá trị ghi số	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Đầu tư ngắn hạn	50.000.000.000	-
Nợ thuê tài chính	(131.856.227.369)	(120.427.779.109)
	<u>(81.856.227.369)</u>	<u>(120.427.779.109)</u>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền	70.752.105.005	28.131.185.838
Vay ngắn hạn	(834.745.260.762)	(550.050.884.467)
Vay dài hạn	(125.845.900.804)	(259.061.539.651)
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	-	(100.000.000.000)
	<u>(889.839.056.561)</u>	<u>(880.981.238.280)</u>

Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm sẽ làm giảm 6.034 triệu VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (2012: 6.599 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ tài chính được trình bày trong bảng cân đối kế toán, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:		
- Đầu tư ngắn hạn	50.000.000.000	-
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền	71.595.361.478	29.087.008.046
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	153.077.614.534	99.519.945.995
	274.672.976.012	128.606.954.041
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	(157.785.240.208)	(107.769.841.322)
- Vay ngắn hạn	(834.745.260.762)	(550.050.884.467)
- Vay dài hạn	(125.845.900.804)	(259.061.539.651)
- Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	-	(100.000.000.000)
- Nợ thuê tài chính	(131.856.227.369)	(120.427.779.109)
	(1.250.232.629.143)	(1.137.310.044.549)

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

34. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	2013 VND	2012 VND
Bán tài sản cố định hữu hình và thuê lại dưới dạng thuê tài chính	77.061.669.159	77.834.367.601
Xây dựng cơ bản dở dang thuê tài chính	-	44.878.207.846

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có quan hệ bên liên quan với các cổ đông chính. Tập đoàn cũng có quan hệ bên liên quan với công ty liên kết, các giám đốc và các cán bộ quản lý.

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% sở hữu
Các công ty con			
Công ty Cổ phần thực phẩm Đông Á	Sản xuất và kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm	3900419455	95%
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, khuôn mẫu và sản phẩm công nghiệp	3900785589	98%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Sản xuất nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	3400811368	99%
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Sản xuất bao bì bằng nhựa	4103009341	99%
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	Sản xuất bao bì bằng nhựa, khuôn kim loại	3901102796	99%

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Tổng lương và thưởng cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	2013 VND	2012 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	18.467.563.500	18.725.410.825

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.648.239.386.208	1.713.613.233.355
Chi phí nhân công	174.222.290.479	139.696.782.779
Chi phí khấu hao và phân bổ	124.942.593.712	126.596.495.231
Chi phí khác	321.703.644.391	238.367.635.987

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:

Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:

La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc